TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI TỈNH BẠC LIÊU	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 21/6/2021
Về việc tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
  Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Phai**
  Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Nhạn**
  Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà **Trần Thị Đèo –** Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai tham gia phiên tòa*: Bà **Phan Thị Thanh Thúy**, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 525/2021/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp "Xin ly hôn và nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐST – HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Võ Thanh T**, sinh năm 1995
  + Địa chỉ: Ấp Thuận Lợi A1, xã T, huyện P, tỉnh H. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
- Bị đơn: Anh **Trương Chí H**, sinh năm 1991
  + Địa chỉ: Ấp 19, xã P, thị xã G, tỉnh B (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai Võ Thanh T trình bày:

Chị Võ Thanh T và anh Trương Chí H chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Phong Tân. Quá trình chung sống bất đồng quan điểm sống, có nhiều mâu thuẫn, có nhiều lần hàn gắn nhưng

thành, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Vì vậy, chị Võ Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau đối với anh Trương Chí H:

Về hôn nhân chị Võ Thanh T yêu cầu ly hôn với anh Trương Chí H. Về con chung Trương Chí Hiệu, sinh ngày 03/01/2014, hiện tại đang sống với anh Hiểu, chị đồng ý giao con cho anh Hiểu nuôi dưỡng, chị Thảo xin tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trương Chí H:

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Hiểu theo quy định của pháp luật, nhưng anh Hiểu vắng mặt nên Tòa án không thể làm việc được với anh Hiểu. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Trương Chí H theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời hạn. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Đối với anh Trương Chí H Tòa án đã tiến hành tống đạt các thủ tục đưa ra vụ án ra xét xử vắng mặt anh Hiểu là đúng theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thanh T đối với anh Trương Chí H.

Về con chung: Giao con chung tên Trương Chí Hiệu, sinh ngày 03/01/2014 cho anh Hiểu tiếp tục nuôi dưỡng, chị Thảo không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Hiểu không yêu cầu.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án có đủ căn cứ nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Hiểu theo quy định của pháp luật, nhưng anh Hiểu cố tình vắng mặt nên Tòa án không thể làm việc được với anh

Hiểu. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Trương Chí H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với chị Võ Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị Võ Thanh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 2013, chị Võ Thanh T và anh Trương Chí H tự nguyện sống chung vợ chồng với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Phong Tân, do đó hôn nhân của chị Thảo và anh Hiểu là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, mặc dù gia đình có hàn gắn nhưng không được, vợ chồng đã sống ly thân với nhau, không còn tình cảm. Quá trình xác minh bà Nguyễn Hồng Khai là mẹ ruột của anh Hiểu thì cho thấy nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh Hiểu, chị Khai từ khi vợ chồng đi làm ăn, xảy ra cự cải, chị Thảo không còn về gia đình bên chồng. Từ đó cho thấy rằng mâu thuẫn gia đình chị Thảo và anh Hiểu là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nhưng anh chị không thực hiện được. Do đó, căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình là có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thanh T đối với anh Trương Chí H.

[2.2] Về con chung: Trương Chí Hiệu, sinh ngày 03/01/2014, hiện tại cháu Hiệu đang sống chung với anh Hiểu, quá trình ghi nhận ý kiến cháu Hiệu có nguyện vọng sống với cha Trương Chí Hiệu. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Trương Chí Hiệu cho anh Trương Chí H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị Võ Thanh T.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Võ Thanh T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 51, khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27; tiểu mục 1.1, mục 1 phần II danh mục án phí Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thanh T đối với bị đơn anh Trương Chí H. Cho chị Võ Thanh T ly hôn với anh Trương Chí H.

2. Về quan hệ con chung: Giao người con chung tên Trương Chí Hiệu, sinh ngày 03/01/2014 cho anh Trương Chí H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị Võ Thanh T. Chị Võ Thanh T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Võ Thanh T phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Thảo đã dự nộp 300.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002100 ngày 03/11/2020, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai sẽ được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự vắng mặt biết thời hạn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND cùng cấp;
-Chi cục THADS cùng cấp;
-Đương sự;
-UBND xã Phong Tân;
-Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Phai

Án sử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự vắng mặt biết thời hạn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **CHỦ TỌA**

Hướng dẫn:

Chị Võ Thị Ngân, Chị Võ Thị Giang, Anh Trần Văn Sơn cùng đứng đơn yêu cầu **Ủy ban nhân dân thị xã Giá Rai điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất** đã cấp cho anh Sơn với lý do đất

thực tế là chị Ngân 4 công tầm cấy và anh Sơn là 9 công tầm cấy, đã canh tác riêng, xác định tài sản riêng từ trước khi anh Sơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. (đương sự nêu rõ vì sao đất riêng nhưng để anh Sơn đứng tên). Yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã Giá Rai là cơ quan cấp giấy điều chỉnh lại giấy chứng nhận cho đúng thực tế chủ sỡ hữu.

Nếu Ủy ban nhân dân thị xã Giá Rai giải quyết bác đơn của đương sự, không điều chỉnh lại giấy thì khởi kiện hành chính, kiện Ủy ban, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Sơn, nộp tại tòa án tỉnh Bạc Liêu.

Các vị hội thẩm nhân dân **Chủ Tọa**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN NAM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**
HUYỆN GIÁ RAI	**Độc lập - Tự do - hạnh phúc**
TỈNH BẠC LIÊU	

***

Bản án số: /2015/HNGĐ
Ngày: 02/07/2015
"*V/v tranh chấp Hôn nhân & Gia đình*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIÁ RAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thúy Oanh**

* *Các Hội thẩm nhân dân:*
1/ **Ông Thạch Vũ**

2/ Bà Nguyễn Thanh Nghiệm

* *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Ông **Lê Khắc Hải**

Ngày 02 tháng 07 năm 2015, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2015/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 06 năm 2015 về việc tranh chấp "*Hôn nhân và gia đình*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2015/QĐXX - HNGĐ ngày 27 tháng 06 năm 2015 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Nguyễn Khánh Ly, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp 3, thị trấn Gành Hào, huyện Gía Rai. Tỉnh Bạc Liêu

* Bị đơn: Đỗ Thị Xuyên**,** sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp 3, thị trấn Giá Rai, huyện Giá Rai. Tỉnh Bạc Liêu

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên Tòa)

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai anh Nguyễn Khánh Ly trình bày: Anh sống chung với cô Xuyên như vợ chồng vào năm 2005, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nguyễn Huân huyện Đầm Dơi, tỉnh cà Mau, quá trình chung sống anh chị có với nhau 01 đứa con chung tên Nguyễn Khánh Băng sinh ngày 15/04/2006, về tài sản chung vợ chồng không có, lý do mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống thường xảy ra mâu thuẫn, đã nhiều lần gia đình hàn gắn nhưng không có kết quả, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đã ly thân từ năm 2010 đến nay, quác trình ly thân không ai đến thăm ai.

- Nay yêu cầu Tòa án giải quyết
- Về quan hệ vợ chồng: Xin được ly hôn với cô Đỗ Thị Xuyên.
- Về quan hệ con chung : Đồng ý giao con cho vợ nuôi, xin tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con.
- Về quan hệ tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Đỗ Thị Xuyên trình bày: Chị thống nhất toàn bộ lời trình bày của anh Ly về quan hệ vợ chồng, quan hệ con cái, quan hệ tài sản là đúng.

Nay anh Ly xin ly hôn chị đồng ý ly hôn với anh Ly, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con, tài sản không có không yêu cầu giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh luậ tại phiên tòa.

XÉT THẤY

- Về quan hệ vợ chồng: Anh Nguyễn Khánh Ly và chị Đỗ Thị Xuyên đều thừa nhận anh và chị sống từ năm 2005, trên tinh thần tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn, và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn mặc dù đã được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần, nhưng mâu thuẫn ngày thêm trần trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài anh chi đã ly thân từ năm 2010 đến nay, quá trình ly thân không ai đến thăm nom ai. Tại phiên tòa ngày hôm nay anh Ly tiếp tục xin ly hôn với chị Xuyên, về phía chị Xuyên anh thống nhất và đồng ý ly hôn với anh Ly. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy anh chị đến ngày xét xử vẫn chưa đăng ký kết hôn, nên căn cứ vào điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân

và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Khánh Ly và chi Đỗ Thị Xuyên.

- Về quan hệ con chung: Anh Ly và chị Xuyên tự nguyện, thỏa thuận thống nhất giao người con chung, tên Nguyễn Khánh Băng, sinh ngày 15/04/2006 cho chị Xuyên tiếp tục nuôi con, do chị Xuyên không yêu cầu cấp dưỡng, nên tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Ly. Chị Xuyên phải tạo điều kiện cho anh Ly đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về quan hệ tài sản và nợ : anh chị không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Khánh Ly phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 27, Điều 33 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Khánh Ly và chị Đỗ Thị Xuyên.

2/ Về quan hệ con chung: Giao đứa con tên Nguyễn Khánh Băng, sinh ngày 15/04/2006, cho chị Đỗ Thị Xuyên tiếp tục nuôi dưỡng, tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Khánh Ly vì chị Xuyên không yêu cầu. Chị Xuyên phải tạo điều kiện cho anh Ly đến thăm nom và chăm són con chung, không ai được quyền ngăn cản

3/ Về quan hệ tài sản và nợ: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hân nhân và gia đình: Buộc anh Nguyễn Khánh Lyphải nộp 200.000đ, nhưng anh đã dự nộp 200.000đ, tại biên lai thu số 005514 ngày 02/06/2015 tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai chuyển thu án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Các vị hội thẩm nhân dân **Chủ Tọa**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU
***

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: /2015/HNGĐ
Ngày: 07/05/2015
"*V/v tranh chấp Hôn nhân & Gia đình*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIÁ RAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thúy Oanh**

* *Các Hội thẩm nhân dân:*
1/ **Ông Thạch Vũ**

2/ Bà Cao Thị Mỹ Phượng

* *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Ông **Lê Khắc Hải**

Ngày 07 tháng 05 năm 2015, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2015/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 04 năm 2015 về việc tranh chấp "*Hôn nhân và gia đình*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2015/QĐXX - HNGĐ ngày 20 tháng 04 năm 2015 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Tím**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp 11, xã Phong Thạnh Đông, huyện Giá Rai. Tỉnh Bạc Liêu

* Bị đơn: Anh **Mai Văn Tám ,** sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp 11, xã Phong Thạnh Đông, huyện Giá Rai. Tỉnh Bạc Liêu

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên Tòa)

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai chị Trần Thị Tím trình bày: Chị và anh Mai Văn Tám chung sống với nhau vào năm 1989, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có 05 đứa con chung, hai đứa đã trưởng thành còn lại 03 đứa chưa trưởng thành tên Mai Thanh Thảo, sinh ngày 19/03/2001, Mai Hoài Linh, sinh ngày 20/02/2004 và Mai Thị Yến Nhi, sinh ngày 30/01/2006. Con theo ai người đó nuôi không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản và nợ chung vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng sống bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, dẫn đến sống không hạnh phúc nên tôi xin ly hôn với chồng tên Mai Văn Tám.
- Anh Mai Văn Tám trình bày: Thời gian chung sống như vợ tôi trình bày là đúng, vợ chồng chung sống không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có 05 đứa con, hai đứa đã trưởng thành còn lại 03 đứa chưa trưởng thành tên Mai Thanh Thảo, sinh ngày 19/03/2001.Mai Hoài Linh, sinh ngày 20/02/2004; Mai Thị Yến Nhi, sinh ngày 30/01/2006, Con theo ai người đó nuôi không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.
- Về tài sản và nợ chung vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng sống bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, dẫn đến sống không hạnh phúc nên tôi đồng ý xin ly hôn với vợ tên Trần Thị Tím.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh luậ tại phiên tòa.

XÉT THẤY

- Về quan hệ vợ chồng: Chị Trần Thị Tím và anh Mai Văn Tám đều thừa nhận chị và anh sống từ năm 1989, trên tinh thần tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn, và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn mặc dù đã được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần, nhưng mâu thuẫn ngày thêm trần trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Tại phiên tòa ngày hôm nay chị Tím tiếp tục xin ly hôn với anh Tám, về phía anh Tám anh thống nhất và đồng ý ly hôn với chị Tím. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy anh chị đến ngày xét xử vẫn chưa đăng ký kết hôn, nên căn cứ vào điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Tím và anh Mai Văn Tám.

- Về quan hệ con chung: Chị Tím và anh Tám thừa nhận anh chị chung sống với nhau có 05 người con chung, hai đứa đã trưởng thành còn lại 03 đứa chưa trưởng thành tên: Mai Thanh Thảo, sinh ngày 19/03/2001, Mai Hoài Linh, sinh ngày 20/02/2004; Mai Thị Yến Nhi, sinh ngày 30/01/2006. Con theo ai người đó nuôi không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về quan hệ tài sản và nợ : anh chị không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Trần Thị Tím phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 27, Điều 33 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Tím và anh Mai Văn Tám.

2/ Về quan hệ con chung: hai đứa đã trưởng thành không đặt ra xem xét; còn lại 03 đứa chưa trưởng thành giao 02 đứa con Mai Thị Yến Nhi, sinh ngày

30/01/2006 và Mai Thanh Thảo, sinh ngày 19/03/2001. cho chị Trần Thị Tím nuôi dưỡng, tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Mai Văn Tám vì chị Tím không yêu cầu. Giao đứa con tên Mai Hoài Linh, sinh ngày 20/02/2004 cho anh Tám nuôi dưỡng giáo dục, tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị Tím vì anh Tám không yêu cầu, chị Tím, anh Tám không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom con, không ai được ngăn cản

3/ Về quan hệ tài sản và nợ: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hân nhân và gia đình: Buộc chị Trần Thị Tím phải nộp 200.000đ, nhưng chị đã dự nộp 200.000đ, tại biên lai thu số 005447 ngày 16/04/2015 tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai chuyển thu án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Các vị hội thẩm nhân dân **Chủ Tọa**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIÁ RAI** **TỈNH BẠC LIÊU** ***	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số:04/2015/HNGĐ
Ngày: 19/03/2015
"*V/v tranh chấp Hôn nhân & Gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIÁ RAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Quách Thanh Tồn**

* *Các Hội thẩm nhân dân:*
1/ **Ông Thạch Vũ**

2/ Ông Nguyễn Thanh Lẹ

* *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: **Ông Lê Khắc Hải**

Ngày 19 tháng 03 năm 2015, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2014/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2014 về việc tranh chấp "*Hôn nhân và gia đình*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2015/QĐST - HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2015 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Tô Mỹ Xuyên**, sinh ngày 10/10/1992

Địa chỉ: Ấp 10, xã Tân Phong, huyện Giá Rai. Tỉnh Bạc Liêu

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Chí Tịnh ,** sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp 10, xã Tân Phong, huyện Giá Rai. Tỉnh Bạc Liêu

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn mặt tại phiên Tòa)

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai chị Tô Mỹ Xuyên trình bày: chị sống chung với anh Nguyễn Chí Tịnh như vợ chồng vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Phong, sống chung với nhau có 01 người con chung tên Nguyễn Minh Thái sinh ngày 30/08/2011, hiện cong sống với gia đình chồng, quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra mâu thuẫn, gia đình hai bên đã nhiều lần hàn gắn nhưng không đem lại kết quả, nên chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay, thời gian ly chúng tôi không ai đến

thăm nom ai, tôi thấy mục đích hôn nhân không đặt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết

Về quan hệ chồng xin được ly hôn với anh Nguyễn Chí Tịnh.

Về quan hệ con chung: Con tên Nguyễn Minh Thái sinh ngày 30/08/2011, hiện cong sống với gia đình chồng, đồng ý để chồng nuôi con, xin tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản và nợ không có không yêu cầu Tòa án giải quyết

Anh Nguyễn Chí Tịnh quá trình Tòa án thụ lý hồ sơ vụ kiện đến khi Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử, Tòa án đã cử thư ký trực tiếp tống đạt các văn bản theo Bộ luật tố tụng dân sự quy định cho anh Tịnh, anh Tịnh đều trực tiếp nhận các văn bản của Tòa án nhưng anh không kết hợp cùng Tòa án để giải quyết vụ kiện, xong anh cũng không có ý kiến gì.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh luậ tại phiên tòa.

XÉT THẤY

- Về quan hệ vợ chồng: Chị Tô Mỹ Xuyên và anh Nguyễn Chí Tịnh chung sống với nhau từ năm 2010, trên tinh thần tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Phong, Quá trình chung sống anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn mặc dù đã được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần, nhưng mâu thuẫn ngày thêm trần trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên anh chị đã tự ly thần từ năm 2012 đến nay, thời gian ly thân không ai đến thăm nom ai, Tại phiên tòa ngày hôm nay chị Xuyên tiếp tục xin ly hôn với anh Tịnh, về phía anh Tịnh Tòa án thụ lý hồ sơ vụ kiện đến khi Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử, Tòa án đã cử thư ký trực tiếp tống đạt các văn bản theo Bộ luật tố tụng dân sự quy định cho anh Tịnh, anh Tịnh đều trực tiếp nhận các văn bản của Tòa án nhưng anh không kết hợp cùng Tòa án để giải quyết vụ kiện, xong anh cũng không có ý kiến gì.

- Về quan hệ con chung: chị Tô Mỹ Xuyên và anh Nguyễn Chí Tịnh sống với nhau có 01 người con chung tên tên Nguyễn Minh Thái sinh ngày 30/08/2011, hiện đang sống với anh Tịnh

- Về quan hệ tài sản và nợ : anh chị chưa có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Tô Mỹ Xuyên phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 27, Điều 33, điều 199 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 53, điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu cảu chị Tô Mỹ Xuyên được ly hôn với anh Nguyễn Chí Tịnh.

2/ Về quan hệ con chung: chấp nhận theo sự tự nguyện của chị Xuyên tiếp tục để cháu Nguyễn Minh Thái sinh ngày 30/08/2011cho anh Tịnh nuôi dưỡng, miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị Xuyên, chị Xuyên không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom con, không ai được ngăn cản

3/ Về quan hệ tài sản và nợ: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hân nhân và gia đình: Buộc chị Tô Mỹ Xuyên phải nộp 200.000đ, nhưng chị đã dự nộp 200.000đ, tại biên lai thu số 005269 ngày 31/10/2014 tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai chuyển thu án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Các vị hội thẩm nhân dân **Chủ Tọa**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIÁ RAI** **TỈNH BẠC LIÊU** ***	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số:04/2015/HNGĐ
Ngày: 19/03/2015
"*V/v tranh chấp Hôn nhân & Gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIÁ RAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Quách Thanh Tồn**

* *Các Hội thẩm nhân dân:*
1/ **Ông Thạch Vũ**

2/ Ông Nguyễn Thanh Lẹ

* *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: **Ông Lê Khắc Hải**

Ngày 19 tháng 03 năm 2015, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2015/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2015 về việc tranh chấp "*Hôn nhân và gia đình*" theo quyết định hoãn phiên tòa xét xử số: 07/2015/QĐHPT - HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2015 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Châu Hoàng Út**, sinh ngày 30/04/1975

Địa chỉ: Ấp 1, xã Tân Phong, huyện Giá Rai. Tỉnh Bạc Liêu

* Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Triểu ,** sinh ngày 08/1/1975

Địa chỉ: Ấp 1, xã Tân Phong, huyện Giá Rai. Tỉnh Bạc Liêu

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn mặt tại phiên Tòa)

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai anh Châu Hòng Út trình bày: anh sống chung với chị Nguyễn Thị Triểu như vợ chồng vào năm 1997, không đăng ký kết hôn, đến nay vẫn không đăng ký kết hôn, sống chung với nhau có 02 người con chung tên

Châu Nguyễn Lê Khánh Băng sinh ngày 08/11/1997

Châu Nguyễn Lê Khánh Phong sinh ngày 28/02/2000

Tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về con chung yêu cầu được nuôi, không yêu cầu vợ cấp dưỡng.

Lý do mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thể hàn gắn được.

Chị Nguyễn Thị Triểu trình bày trong hồ sơ: chị thống nhất toàn bộ lời trình bày của Châu Văn Út, về quan hệ vợ chồng, về quan hệ con cái, quan hệ tài sản.

Nay anh Út yêu cầu ly hôn chị cũng đồng ý ly hôn cùng anh Út, về con theo ai người đó nuôi, về quan hệ tài sản không yêu cầu giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh luậ tại phiên tòa.

XÉT THẤY

- Về quan hệ vợ chồng: Anh Châu Hoàng Út và chị Nguyễn Thị Triểu đều thừa nhận chị và anh sống từ năm 1987, trên tinh thần tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn, và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn mặc dù đã được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần, nhưng mâu thuẫn ngày thêm trần trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Tại phiên tòa ngày hôm nay anh Út tiếp tục xin ly hôn với chị Triểu, về phía chị Triểu tuy vắng mạt tại phiên Tòa, nhưng chị có lời khai là đồng ý ly hôn với anh Út. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy anh chị đến ngày xét xử vẫn chưa đăng ký kết hôn, nên căn cự vào điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Châu Hoàng Út và chị Nguyễn Thị Triểu.

- Về quan hệ con chung: anh Nguyễn Hòang Út và chị Nguyễn Thị Triểu thừa nhận anh, chị có 02 người con chung tên Châu Nguyễn Lê Khánh Băng sinh ngày 08/11/1997, Châu Nguyễn Lê Khánh Phong sinh ngày 28/02/2000, hiện đang sống với anh Út

- Về quan hệ tài sản và nợ : anh chị chưa có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: anh Châu Hoàng Út phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 27, Điều 33 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 53, điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Châu Hoàng Út và chị Nguyễn Thị Triểu.

2/ Về quan hệ con chung: giao 02 đứa con chung tên Châu Nguyễn Lê Khánh Băng sinh ngày 08/11/1997, Châu Nguyễn Lê Khánh Phong sinh ngày 28/02/2000, cho anh Út tiếp tục nuôi dưỡng, về cấp dưỡng anh Út không yêu cầu, miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị Triểu, chị Triểu không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom con, không ai được ngăn cản

3/ Về quan hệ tài sản và nợ: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hân nhân và gia đình: Buộc Châu Hoàng Út phải nộp 200.000đ, nhưng anh đã dự nộp 200.000đ, tại biên lai thu số 005351 ngày 16/01/2015 tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai chuyển thu án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Các vị hội thẩm nhân dân **Chủ Tọa**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIÁ RAI** **TỈNH BẠC LIÊU** ***	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số:04/2015/HNGĐ
Ngày: 26/01/2015
"*V/v tranh chấp Hôn nhân & Gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIÁ RAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Quách Thanh Tồn**

* *Các Hội thẩm nhân dân:*
1/ **Ông Thạch Vũ**

2/ Bà Cao Thị Mỹ Phượng

* *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: **Ông Lê Khắc Hải**

Ngày 26 tháng 01 năm 2015, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2014/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2014 về việc tranh chấp "*Hôn nhân và gia đình*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2014/QĐXX - HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2014 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Ca Thị Vàng**, sinh năm 1967

Địa chỉ: Ấp 3, xã Phong Thạnh Đông A, huyện Giá Rai. Tỉnh Bạc Liêu

* Bị đơn: Anh **Trần Văn Nguyên ,** sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp 3, xã Phong Thạnh Đông A, huyện Giá Rai. Tỉnh Bạc Liêu

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn mặt tại phiên Tòa)

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai chị Ca Thị vàng trình bày: Chị và anh Trần Văn Nguyên chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988, không đăng ký kết hôn.và đến nay cũng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh, chị có với nhau 02 người con chung, đã chết 01 người còn một người tên Trần Công Dân sinh năm 1991, đã đủ tuổi trưởng thành hiện đang sống với chị, về tài sản chung và nợ anh chị không có nên không yêu cầu giải quyết, trong lúc chung sống hai người thường bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra mâu thuẫn, gia đình hai bên đã nhiều lần hàn gắn nhưng không đem lại kết quả, bởi anh Nguyên không lo làm ăn, chỉ thích rượu chè xong về nhà hành hạ vợ con đã nhiều lần gây thương tích, du nhiều lần tha thứ nhưng anh Nguyên vẫn không thay đổi bản tính, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Văn Nguyên. Về con tên Trần Công Dân sinh năm 1991, hiện nay con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ : anh chị không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong hồ sơ anh Trần Văn Nguyên trình bày: Anh thống nhất toàn bộ nội dung lời trình bày của chị Ca Thị Vàng là đúng, anh sống với chị Vàng vào năm 1988, không đăng ký kết hôn, có 02 người con chung đã chết 1, còn 01 tên Trần Công Dân sinh năm 1991, tài sản chung và nợ anh chị không có. Anh thường ăn nhậu là do không có việc làm. Nay anh đồng ý ly hôn với chị Ca Thị Vàng, về con đã đủ tuổi trưởng thành sống tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, về tài sản và nợ không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh luậ tại phiên tòa.

XÉT THẤY

- Về quan hệ vợ chồng: Chị Ca Thị vàng và anh Trần Văn Nguyên đều thừa nhận chị và anh sống từ năm 1988, trên tinh thần tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn, và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn mặc dù đã được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần, nhưng mâu thuẫn ngày thêm trần trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Tại phiên tòa ngày hôm nay chị Vàng tiếp tục xin ly hôn với anh Nguyên, về phía anh Nguyên tuy vắng mạt tại phiên Tòa, nhưng anh có lời khai là đồng ý ly hôn với chị Vàng. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy anh chị đến ngày xét xử vẫn chưa đăng ký kết hôn, nên căn cự vào điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ca Thị Vàng và anh Trần Văn Nguyên.

- Về quan hệ con chung: Chị Vàng và anh Nguyên thừa nhận hiện tại còn 01 người con, tên Trần Công Dân, sinh năm 1991, hiện đang sống với chị Vàng hiện tại anh Dân đã trưởng thành có thể sống tự lập được nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về quan hệ tài sản và nợ : anh chị chưa có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Ca Thị Vàng phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 27, Điều 33 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ca Thị Vàng và anh Trần Văn Nguyên.

2/ Về quan hệ con chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

3/ Về quan hệ tài sản và nợ: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hân nhân và gia đình: Buộc chị Ca Thị Vàng phải nộp 200.000đ, nhưng chị đã dự nộp 200.000đ, tại biên lai thu số 005314 ngày 19/12/2014 tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai chuyển thu án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Các vị hội thẩm nhân dân **Chủ Tọa**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU
***

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 02/2015/HNGĐ
Ngày: 08/01/2015
"*V/v tranh chấp Hôn nhân & Gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIÁ RAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Quách Thanh Tồn**

* *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ **Ông Thạch Vũ**

2/ Ông Nguyễn Kiên Hùng

* *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: **Ông Lê Khắc Hải**

Ngày 08 tháng 01 năm 2015, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2014/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2014 về việc tranh chấp "*Hôn nhân và gia đình*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2014/QĐXX - HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2014 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Chị Đỗ Hồng Muội**, sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp 25, xã Phong Thạnh, huyện Giá Rai. Tỉnh Bạc Liêu

* Bị đơn: **Anh Lê Quốc Lĩnh ,** sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp 25, xã Phong Thạnh A, huyện Giá Rai. Tỉnh Bạc Liêu

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên Tòa)

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai chị Đỗ Hồng Muội trình bày: Chị và anh Lê Quốc Lĩnh chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 25/12/2013, không đăng ký kết hôn.và đến nay cũng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống anh, chị có với nhau 01 người con chung, anh chị thống nhất đặt tên con là Lê Quốc Hào sinh ngày 15/09/2014,do chỉ mới có giấy chứng sinh chưa có giấy khai sinh. về tài sản chung của hai vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết, quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra mâu thuẫn, gia đình hai bên đã nhiều lần hàn gắn, nhưng không đem lại kết quả, bởi anh Lĩnh không lo làm ăn, chỉ thích đá gà, đánh bài, du nhiều lần tha thứ nhưng anh Lĩnh vẫn không thay đổi bản tính, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, Về quan hệ vợ chồng chị yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Quốc Lĩnh, về con tên Lê Quốc Hào sinh ngày 15/09/2014, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung vợ chồng không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong hồ sơ và tại phiên Tòa anh Lê Quốc Lĩnh trình bày: Anh thống nhất toàn bộ nội dung lời trình bày của chị Đỗ Hồng Muội là đúng, anh sống với chị Muội vào ngày 25/12/2013, không đăng ký kết hôn, có 01 người con chung anh, chị thống nhất đặt tên con là Lê Quốc Hào sinh ngày 15/09/2014, hiện chị Muội nuôi con, tài sản chung của hai vợ chồng không có. Nay anh đồng ý ly hôn với chị Đỗ Hồng Muội, về con đồng ý giao con tên Lê Quốc Hào cho chị Muội nuôi dưỡng, xin tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con , về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết qủa tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Chị Đỗ Hồng Muội và anh Lê Quốc Lĩnh chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013 đến nay, không đăng ký kết hôn. Nhà nước khuyến kích nam nữ đang chung sống với nhau phải đăng ký kết hôn nhưng chị Muội và anh Lĩnh đã chung sống như vợ chồng mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Theo Nghị quyết số 35 của Quốc hội năm 2000 quy định: Trường hợp nam nữ sống chung với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 trở về sau mà không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng.

Căn cứ vào Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định trường hợp nam nữ sống chung không đăng ký kết hôn khi có yêu cầu ly hôn thì không được công nhận có quan hệ vợ chồng. Do đó HĐXX không xử cho ly hôn hay bác đơn ly hôn mà xử không công nhận anh chị có quan hệ vợ chồng.

- Về con: Chị Muội và anh Lĩnh thống nhất có 01 đứa con chung anh chị thống nhất đặt tên là Lê Quốc Hào, sinh ngày 15/09/2014, do chỉ mới có giấy chứng sinh chưa có giấy khai sinh. anh Lĩnh đồng ý giao cho chị Muội nuôi dưỡng, anh Lĩnh yêu cầu tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con, chị Muội không yêu cầu anh Lĩnh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Hai bên thống nhất không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Án phí hôn nhân: chị Đỗ Hồng Muội phải nộp.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2điều 53, điều 81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận giữa chị Đỗ Hồng Muội và anh Lê Quốc Lĩnh có quan hệ vợ chồng.

2/ Về quan hệ con cái: giao chị Đỗ Hồng Muội tiếp tục nuôi con tên Lê Quốc Hào, sinh ngày 15/09/2014, tạm đặt tên con chưa có giấy khai sinh. tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Lê Quốc Lĩnh, anh Lĩnh không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom con không ai được ngăn cản.

3/ Về tài sản: Hai bên thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4/ Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân chị Đỗ Hồng Muội phải nộp 200.000đ, chị đã dự nộp 200.000đ ngày 22/12/2014 biên lai thu số 005315 tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Các vị hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

Bản án số: / DSST
Ngày: 27/03/2011
Tranh chấp hợp đồng nợ hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÍA RAI
VỚI HỘI ĐỒNG XÉT XỬ GỒM CÓ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông ***Quách Thanh Tồn***
Các hội thẩm nhân dân:
1/- ***Nguyễn Thanh Nghiệm***
2/- ***Thạch Vủ***

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông ***Lê Khắc Hải*** Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Giá Rai.

Địa diện viện kiểm sát nhân dân huyện Giá Rai : ông Triệu Đăng Khoa kiểm sát viên viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 02 năm 2015, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2015/TLST – DS ngày 17 tháng 10

năm 2015 về tranh chấp "hợp đồng nợ hụi" theo quyết định hoãn phiên Tòa số: 02/2015/ QĐHPT ngày 29 tháng 01 năm 2015 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị ***Nguyễn Bích Diễm*** Sinh năm 1985
- Địa chỉ: ấp 17, xã Phong Tân, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu
* Bị đơn: Anh **Lưu Văn Tìa** Sinh năm 1972
Chị ***Phạm Thị Kiều*** sinh năm 1980
- Cùng địa chỉ: Ấp 17, xã Phong Tân, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu
(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai chị Nguyễn Kiều Diễm trình bày: Vào ngày 06/10/2012 chị có mở 01 dây hụi, loại hụi 3.000.000đ, dây hụi có 13 chưng, 120 ngày khui một lần, khui theo mùa lúa, anh Tìa tham gia 01 chưng, hụi chết 2 chưng thì anh Tìa hốt tổng số tiền là 17.450.000đ, anh Tìa đã đóng hui chết được 1 lần số tiền là 3.000.000đ, từ đó đến nay anh Tìa không đóng nữa, tôi đã nhiều lần yêu cầu anh Tìa thanh toán tiền hụi, nhưng anh Tìa không đóng mà còn thách thức đi thưa.

Nay chị Diễm yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Tìa trả bà số tiền 14.450.000đ và yêu cầu tính lãi giai đoạn thi hành án.

Anh Lưu Văn Tìa trình bày: từ trước đến nay anh chưa lần nào tham gia chơi hụi của chị Nguyễn Kiều Diễm, nên việc chị Diễm yêu cầu anh trả số tiền 17.450.000đ là anh không đồng ý, do anh không có nợ chị Diễm khoản tiền trên, còn số tiền chị Diễm cho rằng anh đã đóng 1 lần hụi chết là 3.000.000đ là không đúng, mà trước đó anh đã nhiều lần vay tiền của chị Diễm để ăn chơi vợ anh không hề hay biết, anh đã trả cho chị Diễm xong, nhưng chị Diễm đến nhà gặp vợ anh nói là anh còn nợ 3.000.000đ, vợ anh đã đồng ý trả cho chị Diễm, và đã trả làm 02 lần; lần 1.000.000đ và lần 2.000.000đ, chứ không phải đóng hụi chết như chị Diễm trình bày.

Chị Phạm Thị Kiều trình bày: từ trước đến nay vợ chồng chị chưa lần nào tham gia chơi hụi của chị Nguyễn Kiều Diễm, nên việc chị Diễm kiện chị yêu cầu thanh toán số nợ hụi 17.450.000đ là chị không đồng ý, còn việc anh Tìa chồng chị vay tiền của chị Diễm để ăn chơi thì chị biết, việc vay tiền của anh Tìa cách nay đã hai năm nhưng đến hồi đầu năm chị Diễm đến nhà gặp chị nói là anh Tìa còn nợ chị 3.000.000đ tiền vốn không tính lãi nên chị đã đồng ý trả cho chị Diễm và chị đã trả cho chị Diễm làm 2 lần là 3.000.000đ

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định: việc tranh chấp nợ hụi giữa chị Nguyễn Bích Diễm và anh Lưu Văn Tìa là có xảy ra trên thực tế, bởi lẽ theo lời trình bày của chị Diễm vào năm 2012 chi có mở một dây hụi, loại hụi 3.000.000đ, khui theo mùa lúa 4 tháng khu một lần. dây hụi có 13 chưng, trong đó anh Tìa có tham gia 01 chưng, khi hụi chết hai lần, thứ 3 anh Tìa bỏ 1.550.000đ anh Tìa hốt với số tiền là 17.450.000đ, sau đó anh Tìa đã đóng được một lần hụi chết cho đến nay không đó nữa, dù chị đã nhiều lần yêu cầu, xét thấy lời trình bày của chị Diễm là có cơ sở để HĐXX chấp nhận bởi lẽ qua biên bản xác minh của những người cùng tham gia chơi hụi với anh Tìa lời trình bày của những người này phù hợp với lời trình bày của chị Diễm.

Xét về lời trình bày của anh Lưu Văn Tìa và chị Phạm Thị Kiều, anh chị cho rằng anh chị không tham gia chơi hụi của chị Diễm, nhưng anh có vay tiền của chị Diễm nhiều lần nhưng đã trả xong, anh chị xác định là đã trả xong nhưng sau đó chị Diễm đến nhà đòi tiền anh chị vẫn tiếp tục trả 3.000.000đ, anh chị cho rằng số tiền này là tiền anh Tìa nợ tiền vốn, nhưng số tiền này đúng bằng số tiền của một chưng hụi chết, do đó lời nại ra của anh Tìa là không được chấp nhận. Bởi lẽ, qua xác minh bà Nguyễn Thúy Kiều, bà Nguyễn Thị Thoảng, bà Võ Thị Xứng và ông Trương Văn Khương là những người chơi hụi chung với ông Lưu Văn Tìa thì họ đều khẳng định ông Tìa có tham gia chơi hụi mùa do bà Diễm làm chủ, loại hụi 3.000.000 đồng, số lượng là 1 chưng, ông Tìa đã hốt hụi lần thứ 2, bỏ hụi số tiền 1.550.000 đồng. Như vậy, có thể tính như sau :

Ông Tìa bỏ hụi 1.550.000 đồng nên ông hốt hụi đuộc số tiền 1.450.000 đồng x 11 chưng = 15.950.000 đồng + 3.000.000đồng của chung hụi chết, tổng cộng là 18.950.000đ ; nhưng tại phiên Tòa hôm nay chị Diễm thừa nhận đã nhận từ anh Tìa tiền đầu thảo 1.500.000đ,nên số tiền hụi ông Tìa thực nhận là 17.450.000đ, bà Diễm xác định ông Tìa đã trả được số tiền 3.000.000 đồng nên ông Tìa tiếp tục có nghĩa vụ trả cho bà Diễm số tiền 14.450.000đ.

Từ những nhận định trên cần buộc anh Lưu văn Tìa và chị Phạm Thị Kiều có nghĩa vụ trả chị Diễm số tiền nợ hụi là 14.450.000đ là có cơ sở

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch anh Lưu Văn Tìa và chị Phạm Thị Kiều phải nộp 722.500đ, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giá Rai. Số tiền dự nộp tạm ứng án phí 360.000đ lai thu số 005255 ngày 17/10/2014 của chị Diễm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai sẽ được hoàn lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 25 BLTTDS; Điều 479 BLDS; Nghị định 144/2006/NĐ – CP của Chính phủ về hụi và Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

+ Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kiều Diễm đối với anh Lưu Văn Tìa và chị Phạm Thị Kiều về hợp đồng nợ hụi.

Buộc anh Lưu Văn Tìa và chị Phạm Thị Kiều có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Kiều Diễm số tiền nợ hụi là 14.450.000đ

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi suất với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản theo Ngân hàng Nhà nước qui định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự

Bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thõa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch anh Lưu Văn Tìa và chị Pham Thị Kiều phải nộp 722.500đ, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giá Rai. Số tiền dự nộp tạm ứng án phí 360.000đ lai thu số 005255 ngày 17/10/2014 của chị Nguyễn Kiều Diễm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai sẽ được hoàn lại

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án

TM- HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nơi nhận :
Tòa án Tỉnh
VKS cùng cấp
Thi hành án
Đương sư

Thẩm phán – chủ tọa

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

Bản án số: 12/ DSST
Ngày: 25/05/2011
Thụ lý số:42/DSST
Ngày: 10/05/2011
Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÍA RAI
VỚI HỘI ĐỒNG XÉT XỬ GỒM CÓ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông ***Nguyễn Văn Tài***

Các hội thẩm nhân dân:

1/- ***Trương Thị Hương***

2/- ***Thạch Vủ***

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông ***Lê Khắc Hải*** Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Giá Rai.

Ngày 25 tháng 05 năm 2011, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2011/TLST – DS ngày 10 tháng 05 năm 2011 về tranh chấp "hợp đồng vay tài sản " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2011/ QĐST – DS ngày 04 tháng 05 năm 2011 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Châu Ngọc Thắm** Sinh năm 1965

- Địa chỉ: ấp 1 – Tân Phong – Giá Rai - Bạc Liêu

* Bị đơn: chị **Nguyễn Thị Phượng** Sinh năm 1973

- Địa chỉ: Ấp 1 – Tân Phong – Giá Rai - Bạc Liêu

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt)

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai chi Châu Ngọc Thắm trình bày: vào ngày 14/05/2010(AL) chị Thắm cho chị Phượng vay số tiền 20.000.000đ, đến 27/05/2010 chị Thắm cho chị Phượng vay thêm 15.000.000đ, tổng cộng hai khỏan là 35.000.000đ, lãi xuất hai bên thỏa thuận 6%/tháng, khi vay hai bên thỏa thuận sau 30 ngày sẽ trả vốn và lãi, việc vay mượn không làm giấy tờ, có nhiều người biết. từ khi vay đến nay chị đã nhận được 3 tháng lãi của chị Phượng, vốn còn nguyên, nhưng khi đến hẹn chị Phượng không trả vốn và lãi, chị đã nhiều lần yêu cầu chị Phượng thanh tóan, nhưng chị Phượng vẫn không thực hiện, nên chị đã nhờ đến chính quyền địa phương yêu cầu giải quyết.

Nay chị Thắm yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Phượng trả chị 35.000.000đ tiền vốn, yêu cầu tính lãi theo thỏa thuận từ khi giao dịch đến nay là 13.500.000đ, tổng cộng là 48.500.000đ, và yêu cầu tính lãi ở giai đọan thi hành án.

Chị Nguyễn Thị Phượng trình bày: Vào tháng 1/2010 chị Phượng có vay của chị Thắm số tiền 10.000.000đ, tháng 3/2010 chị Phượng vay thêm của chị Thắm 10.000.000đ, đến tháng 5/2010 chị Phượng mượn của chị Thắm 15.000.000đ tổng cộng chị Phượng vay của chị Thắm 35.000.000đ tiền vốn, lãi xuất hai bên thỏa thuận 6%/tháng, thỏa thuận sau 3 tháng sẽ trả vốn và lãi, việc vay mượn không làm giấy tờ, không ai biết, từ khi vay đến nay chị đã đóng lãi được 8 tháng là 16.800.000đ, vốn còn nguyên, việc trả lãi không có giấy tờ gì hết. việc vay mượn là tự nguyện không ai ép buộc. phần lãi đã trả không có gì chứng minh, nên yêu cầu xem xét lại.

Chị Phượng thừa nhận chị còn nợ chị Thắm 35.000.000đ tiền vốn, chị đồng ý trả nợ, nhưng vì điều kiện gia đình gặp nhiều khó khăn không thể trả ngay một lần theo yêu cầu của chị Thắm Được, xin trả dần mỗi tháng 500.000đ đến khi hết nợ. xin bỏ phần lãi không trả lãi nữa, vì gia đình đang gặp khó khăn.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa HĐXX nhận định: việc tranh chấp tiền vay giữa chị Châu Ngọc Thắm và chị Nguyễn Thị Phượng là có xảy ra trên thực tế do các bên cùng xác định trong tháng 05/2010 chị Thắm cho chị Phượng vay hai lần với tổng số tiền là 35.000.000đ, lãi xuất hai bên thỏa thuận 6%/tháng, khi giao dịch hai bên thỏa thuận sau 30 ngày sẽ trả vốn và lãi, nhưng đến hẹn chị Phượng không thực hiện nghĩa vụ của mình như đã cam kết, dù chị Thắm đã rất nhiều lần yêu cầu chị Phượng trả nợ, chị Thắm yêu cầu chị Phượng phải trả số tiền vốn 35.000.000đ, yêu cầu tính lãi của số tiền nợ từ ngày 30/09/2010, HĐXX xét thấy yêu cầu của chị Thắm là một yêu cầu chính đáng, theo đúng tinh thần pháp luật đã quy định nên chấp nhận một phần yêu cầu của chị Thắm .

Xét lời trình bày của chị Nguyễn Thị Phượng chị thừa nhận tòan bộ lời trình bày của chị Thắm là đúng, vào năm 2010 chị có vay của chị Thắm nhiều lần với tổng số tiền là 35.000.000đ tiền vốn, lãi xuất hai bên thỏa thuận là 6%/tháng, từ khi giao dịch đến nay chị đã đóng lãi cho chị Thắm được 8 tháng tiền lãi, nhưng phần lãi chị đã đóng chị không yêu cầu xem xét lại, vốn còn nguyên, chị Phượng nại ra rằng do điều kiện gia đình gặp kho khăn không thể trả nợ theo yêu cầu của chị Thắm được, mà xin trả dần mỗi tháng là 500.000đ đến khi hết nợ, không đồng ý trả lãi. HĐXX xét thấy lời nại ra của chị Phượng là chưa thuyết phục được HĐXX và cũng không phù hợp theo tinh thần pháp luật đã quy định, cần buộc chị Nguyễn Thị Phượng có nghĩa vụ trả chị Châu Ngọc Thắm 35.000.000đ, tiền vốn và lãi được tính cụ thể từ ngày 30/09/2010 đến khi xét xử như sau : 35.000.000đ x 7 tháng 25 ngày x 1.167% = 3.199.000đ

Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Nguyễn Thị Phượng phải nộp 1.909.000đ, tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Gía Rai. Số tiền tạm ứng án phí chị Thăm dự nộp 800.000đ lai thu số 001922 ngày 10 tháng 05 năm 2011 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai sẽ được hòan lại đủ ở giai đoạn thi hành án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 25 BLTTDS; và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2010 của Ủy Ban thường vụ quốc hội quy định về về án phí, lệ phí Tòa án.

Vận dụng Điều 474, 476, BLDS

- 1/**Tuyên xử**: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Châu Ngọc Thăm đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Phượng về tiền vay.

2/- Buộc : chị Nguyễn Thị Phượng có nghĩa vụ trả cho chị Châu Ngọc Thắm số tiền vay là 35.000.000đ tiền vốn, và 3.199.000đ tiền lãi

3/. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Nguyễn Thị phải nộp 1.909.000đ, tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Gía Rai. Số tiền tạm ứng án phí chị Thắm dự nộp 800.000đ lai thu số 001922 ngày 10 tháng 05 năm 2011 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai sẽ được hòan lại đủ ở giai đoạn thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng nhà nước quy định tại khoản 2 điều 305 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoã thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án sử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn, và những người tham gia tố tụng khác, báo cho họ biết, họ có quyền chống án, kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM- HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nơi nhận : Thẩm phán – chủ tọa

Tòa án Tỉnh
VKS cùng cấp
Thi hành án
Đương sư

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HUYỆN GIÁ RAI **ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC**

TỈNH BẠC LIÊU

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÍA RAI

Bản án số: 13/ DSST
Ngày: 25/05/2011
Thụ lý số:43/DSST
Ngày: 10/05/2011
Tranh chấp hợp đồng nợ hụi

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông ***Nguyễn Văn Tài***
Các hội thẩm nhân dân:
1/- ***Trương Thị Hương***
2/- ***Thạch Vủ***
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông ***Lê Khắc Hải*** Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Giá Rai.

Ngày 25 tháng 05 năm 2011, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2011/TLST – DS ngày 10 tháng 05 năm 2011 về tranh chấp "hợp đồng nợ hụi" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2011/ QĐST – DS ngày tháng 05 năm 2011 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Hồ Thị Thu** Sinh năm 1976
- Địa chỉ: ấp Khúc Tréo B – Tân Phong – Giá Rai - Bạc Liêu
* Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Phượng** Sinh năm 1973
- Địa chỉ: Ấp 1 – Tân Phong – Giá Rai - bạc Liêu
(Nguyên đơn, bị đơn có mặt)

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai chi Hồ Thị Thu trình bày: Vào ngày 01/04/2010 chị Thu làm chủ hụi chị Phượng có tham gia chơi hụi loại hụi 2.000.000đ/chưng, dây hụi có 36 chưng, 15 ngày khui một lần, chị Phượng tham gia 2 chưng, chị Phượng đã hốt đầu tiên với số tiền 58.290.000đ, đã đóng hụi chết được 19.700.000đ, đến ngày 01/06/2010 với tổng số tiền là 60.150.000đ, đã đóng được 15.000.000đ. tổng công chị Phượng đã hốt 2 chưng hụi với số tiền 118.440.000đ, đã đóng hụi chết của hai dây là 37.200.000đ, chị Phượng còn nợ lại 2 dây hụi là 50 lần với tổng số tiền là 100.000.000đ,
nay chị Thu yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Phượng trả chị 100.000.000đ tiền hụi, yêu cầu thanh tóan 1 lần tiền huị chết của hai dây hụi, và yêu cầu tính lãi ở giai đọan thi hành án.

Chị Nguyễn Thị Phượng trình bày: Vào ngày 01/04/2010 chị Phượng có tham gia chơi hụi của chị Thu loại hụi 2.000.000đ/Chưng, dây hụi có 36 chưng, 15 ngày khui một lần, chị Phượng tham gia 02 chưng, vào ngày 15/04/2010 chị Phượng hốt chưng đầu tiên 58.290.000đ, chị Phượng đã đóng hụi chết 3 lần 6.000.000đ, đến ngày 15/06/2010 chị Phượng hốt tiếp chưng thứ 2 vợi số tiền 60.150.000đ, tổng cộng chị Phượng hốt hai chưng hụi với số tiền 118.440.000đ, đã đóng hụi chết của hai chưng hụi là 40.000.000đ,

Chị Phượng thừa nhận chị còn nợ chị Thu số tiền 81.240.000đ vốn, chị đồng ý trả, nhưng vì điều kiện gia đình gặp nhiều khó khăn không thể trả ngay một lần theo yêu cầu của chị Thu được, hẹn lại khi nào mua bán được sẽ trả nợ cho chị Thu.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa HĐXX nhận định: việc tranh chấp tiền hụi giữa chị Hồ Thị Thu và chị Nguyễn Thị Phượng là có xảy ra trên thực tế. Các bên cùng xác định có 01 dây hụi do chị Thu làm chủ Loại hụi 2.000.000đ/chưng, dây hụi có 36 chưng, chị Phượng tham gia 2 chưng, 15 ngày khui một lần, chị Phượng là người hốt đấu tiên với số tiền là 58.290.000đ, đến ngày 01/06/2010 chị Phượng hốt tiếp chưng thứ 2 với số tiền 60.150.000đ, tổng cả hai dây hụi chị Phượng đã hốt với số tiền 118.440.000đ, trong quá trình giao dịch chị Phượng đã đóng hụi chết và hụi sống được tổng cộng là 37.200.000đ, chị Thu yêu cầu chị Phượng phải trả số tiền còn lại là 81.240.000đ, tính lãi của số tiền nợ từ ngày 15/09/2010, HĐXX xét thấy yêu cầu của chị Thu là một yêu cầu chính đáng, theo đúng tinh thần pháp luật đã quy định nên chấp nhận yêu cầu của chị Thu là phù hợp.

Xét lời trình bày của chị Nguyễn Thị Phượng chị thừa nhận tòan bộ lời trình bày của chị Thu là đúng, chị có tham gia chơi hụi Loại hụi 2.000.000đ/chưng, do chị Thu làm chủ dây hụi có 36 chưng, chị Phượng tham gia 2 chưng, 15 ngày khui một lần, chị Phượng đã hốt hết cả 2 chưng với tổng số tiền 118.440.000đ, chị Phượng đã đóng hụi chết và hụi sống được tổng cộng là 37.200.000đ, số tiền còn lại là 81.240.000đ, nhưng chị Phượng nại ra rằng do điều kiện gia đình gặp kho khăn không thể trả nợ cho chị Thu được, mà hẹn khi nào mua bán được mới trả nợ cho chị Thu, HĐXX xét thấy lời nại ra của chị Phượng là không thể chấp nhận được bởi lẽ chị Phượng thừa nhận có nợ nhưng không thể hiện thiện trí trả nợ, nên cần buộc chị Phượng có nghĩa vụ trả chị Phượng 81.240.000đ tiền vốn và lãi được tính cụ thể từ ngày 15/09/2010 đến khi xét xử như sau : 81.240.000đ x 8 tháng 5 ngày x 1.167% = 7.743.000đ

Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Nguyễn Thị Phượng phải nộp 4.449.000đ, tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Gía Rai. Số tiền tạm ứng án phí chị Thu dự nộp 2.500.000đ lai thu số 001923 ngày 10 tháng 05 năm 2011 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai sẽ được hòan lại đủ ở giai đoạn thi hành án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 25 BLTTDS; và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2010 của Ủy Ban thường vụ quốc hội quy định về về án phí, lệ phí Tòa án.

Vận dụng Điều 476, 479 BLDS; và điều 10, điều 13 Nghị định 144/2006/NĐ – CP của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường

- 1/**Tuyên xử**: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị Thu đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Phượng về tiền nợ hụi.

2/- Buộc : chị Nguyễn Thị Phượng có nghĩa vụ trả cho chị Hồ Thị Thu số tiền nợ hụi là 81.240.000đ, tiền vốn. 7.743.000đ tiền lãi

3/. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Nguyễn Thị phải nộp 4.449.000đ, tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Gía Rai. Số tiền tạm ứng án phí chị Thu dự nộp 2.500.000đ lai thu số 001923 ngày 10 tháng 05 năm 2011 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai sẽ được hòan lại đủ ở giai đoạn thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng nhà nước quy định tại khoản 2 điều 305 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoã thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án sử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn, và những người tham gia tố tụng khác, báo cho họ biết, họ có quyền chống án, kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM- HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nơi nhận : Thẩm phán – chủ tọa

Tòa án Tỉnh
VKS cùng cấp
Thi hành án
Đương sư

NGUYỄN VĂN TÀI

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

Bản án số: 14/ DSST
Ngày: 25/05/2011
Thụ lý số:44/DSST
Ngày: 10/05/2011
Tranh chấp hợp đồng nợ hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÍA RAI
VỚI HỘI ĐỒNG XÉT XỬ GỒM CÓ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông ***Nguyễn Văn Tài***
Các hội thẩm nhân dân:
1/- ***Trương Thị Hương***
2/- ***Thạch Vủ***
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông ***Lê Khắc Hải*** Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Giá Rai.

Ngày 25 tháng 05 năm 2011, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2011/TLST – DS ngày 10 tháng 05 năm 2011 về tranh chấp "hợp đồng nợ hụi" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2011/ QĐST – DS ngày tháng 05 năm 2011 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng** Sinh năm 1958
- Địa chỉ: ấp 1 – Tân Phong – Giá Rai - Bạc Liêu
* Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Phượng** Sinh năm 1973
- Địa chỉ: Ấp 1 – Tân Phong – Giá Rai - bạc Liêu
(Nguyên đơn, bị đơn có mặt)

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai chị Nguyễn Thị Hồng trình bày: Vào ngày 20/05/2009 bà Hồng làm chủ hụi chị Phượng có tham gia chơi hụi loại hụi 1.000.000đ/chưng, dây hụi có 38 chưng, 15 ngày khui một lần, chị Phượng tham gia 1 chưng, chị Phượng hốt đầu tiên với số tiền 28.440.000đ, dây hụi này chị Phượng còn nợ lại chị Hồng 6.000.000đ.

Vào ngày 10/04/2010(AL) chị Phượng có chơi hụi của chị Hồng loại hụi 2.000.000đ/chưng, dây hụi có 32 chưng, 30 ngày khi một lần, chị Phượng tham gia 01 chưng, khui lần 2 chị Phượng hốt, 42.400.000đ, chị Phượng đã đóng hụi sống 2 lần 2.820.000đ, đóng 2 lần hụi chết 4.000.000đ. sau đó chị Phượng không đóng hụi nữa, dù đã nhiều lần yêu cầu chị Phượng giải quyết, nhưng chị Phượng vẫn cố tính không thực hiện.

nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Phượng trả chị 60.000.000đ tiền hụi sống và tiền huị chết của hai dây hụi, và yêu cầu tính lãi ở giai đọan thi hành án.

Chị Nguyễn Thị Phượng trình bày: năm 2009 chị Phượng có chơi hụi của chị Hồng loại hụi 1.000.000đ/chưng. dây hụi này chị Phượng còn nợ chị Hồng 6.000.000đ, đến ngày 10/04/2010 chị Phượng có tham gia chơi hụi của chị Hồng loại hụi 2.000.000đ, dây hụi có 32 chưng, 30 ngày khui một lần, chị Phượng tham gia 01 chưng, vào ngày 10/05/2010 chị Phượng hốt chưng thứ 42.400.000đ, chị Phượng đã đóng hụi chết 3 lần 6.000.000đ,

Chị Phượng thừa nhận chị còn nợ chị Hồng số tiền của hai dây hụi là 42.400.000đ vốn, chị đồng ý trả, nhưng vì điều kiện gia đình gặp nhiều khó khăn không thể trả ngay một lần theo yêu cầu của chị Hồng được, hẹn khi nào mua bán được sẽ trả nợ cho chị Hồng.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa HĐXX nhận định: việc tranh chấp tiền hụi giữa chị Nguyễn Thị Hồng và chị Nguyễn Thị Phượng là có xảy ra trên thực tế. bởi các bên cùng xác định có 02 dây hụi do chị Hồng làm chủ Loại hụi 1.000.000đ/chưng, và 2.000.000đ/chưng, chị Phượng đã hốt hết cả hai chưng của hai dây hụi, dây khu ngày 20/05/2009 chị Phượng đóng còn nợ lại 6.000.000đ. dây thứ hai khui ngày 10/04/2010 chị Phượng còn nợ lại với số tiền 42.400.000đ, nhưng sau đó chị Phượng đã thanh tóan cho chị Hồng nhiều lần với số tiền là 6.000.000đ, chị Hồng yêu cầu chị Phượng thanh tóan khỏan tiền còn lại là 42.400.000đ. yêu cầu tính lãi từ ngày 15/09/2010 đến nay và ở giai đọan thi hành án. HĐXX xét thấy yêu cầu của chị Hồng là một yêu cầu chính đáng, theo đúng tinh thần pháp luật đã quy định nên chấp nhận yêu cầu của chị Hồng là phù hợp.

Xét lời trình bày của chị Nguyễn Thị Phượng chị thừa nhận tòan bộ lời trình bày của chị Hồng là đúng, chị có tham gia chơi hụi Loại hụi 1.000.000đ/chưng, và 2.000.000đ/chưng, do chị Hồng làm chủ, dây hụi khui ngày 20/05/2009 chị Phượng còn nợ lại 6.000.000đ. dây thứ hai khui ngày 10/04/2010 chị Phượng còn nợ 42.400.000đ, nhưng sau đó chị Phượng đã thanh tóan cho chị Hồng với số tiền là 6.000.000đ, chị Phượng thừa nhận chị còn nợ chị Hồng 42.400.000đ. nhưng chị Phượng nại ra rằng do điều kiện gia đình gặp kho khăn không thể trả nợ cho chị Hồng được, mà hẹn khi nào mua bán được mới trả nợ cho chị Hồng, HĐXX xét thấy lời nại ra của chị Phượng là không thể chấp nhận được bởi lẽ chị Phượng thừa nhận có nợ nhưng không thể hiện thiện trí trả nợ, nên cần buộc chị Phượng có nghĩa vụ trả chị Hồng số tiền 42.400.000đ tiền vốn và lãi được tính cụ thể từ ngày 15/09/2010đến khi xét xử như sau : 42.400.000đ x 8 tháng 5 ngày x 1.167% = 4.040.000đ

Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Nguyễn Thị Phượng phải nộp 2.322.000đ, tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Gía Rai. Số tiền tạm ứng án phí của chị Hồng dự nộp 1.500.000đ lai thu số 001921 ngày 10 tháng 05 năm 2011 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai sẽ được hòan lại đủ ở giai đoạn thi hành án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 25 BLTTDS; và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2010 của Ủy Ban thường vụ quốc hội quy định về về án phí, lệ phí Tòa án.

Vận dụng Điều 476, 479 BLDS; và điều 10, điều 13 Nghị định 144/2006/NĐ – CP của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường

- 1/**Tuyên xử**: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Phượng về tiền nợ hụi.

2/- Buộc : chị Nguyễn Thị Phượng có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Hồng số tiền nợ hụi là 42.400.000đ, tiền vốn. 4.040.000đ tiền lãi

3/. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Nguyễn Thị phải nộp 2.322.000đ, tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Gía Rai. Số tiền tạm ứng án phí chị Hồng dự nộp 1.500.000đ lai thu số 001921 ngày 10 tháng 05 năm 2011 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai sẽ được hòan lại đủ ở giai đoạn thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng nhà nước quy định tại khoản 2 điều 305 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoã thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án sử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn, và những người tham gia tố tụng khác, báo cho họ biết, họ có quyền chống án, kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM- HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nơi nhận :
Tòa án Tỉnh
VKS cùng cấp
Thi hành án
Đương sư

Thẩm phán – chủ tọa

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

Bản án số: 15/ DSST
Ngày: 25/05/2011
Thụ lý số:45/DSST
Ngày: 11/05/2011
Tranh chấp hợp đồng nợ hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÍA RAI
VỚI HỘI ĐỒNG XÉT XỬ GỒM CÓ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông ***Nguyễn Văn Tài***
Các hội thẩm nhân dân:
1/- ***Trương Thị Hương***
2/- ***Thạch Vủ***
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông ***Lê Khắc Hải*** Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Giá Rai.

Ngày 25 tháng 05 năm 2011, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2011/TLST – DS ngày 11 tháng 05 năm 2011 về tranh chấp "hợp đồng nợ hụi" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2011/ QĐST – DS ngày tháng 05 năm 2011 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Giả Văn Lượm** Sinh năm 1955

- Địa chỉ: ấp Ba Mến – An Trạch – Đông Hải - Bạc Liêu

* Bị đơn: chị **Nguyễn Thị Phượng** Sinh năm 1973

- Địa chỉ: Ấp 1 – Tân Phong – Giá Rai - bạc Liêu

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt)

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ông Giả Văn Lượm trình bày: Vào ngày 30/08/2009 chị Phượng có làm chủ dây hụi loại hụi 1.000.000đ/chưng, dây hụi có 26 chưng , 15 ngày khui một lần, ông tham gia 2 chưng, ông đã đóng mỗi chưng 24 lần, lần cuối cùng vào ngày 15/08/2010 với số tiền là 43.800.000đ, sau đó cô Phượng bỏ trốn không trung tiền hụi cho ông, sau đó đã nhiều lần ông yêu cầu chị Phượng thanh tóan tiền hụi cho ông, nhưng Chị Phượng cố tình không thực hiện, nên ông đã yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết.

nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Phượng trả ông 48.000.000đ tiền hụi, yêu cầu thanh tóan 1 lần và yêu cầu tính lãi từ khi giao dịch đến nay cúng như ở giai đọan thi hành án.

Chị Nguyễn Thị Phượng trình bày: vào ngày 30/08/2009 chị Phượng có làm chủ hụi loại hụi 1.000.000đ/chưng, dây hụi có 26 chưng, 15 ngày khui một lần, ông Lượm tham gia 02 chưng, hai chưng hụi của ông Lượm còn sống, ông Lượm đã đóng được 24 lần, hai chưng hụi của ông Lượm là hai chưng cuối, do chị Phượng bị bể nợ nên chị không có điều kiện để giao tiền hụi cho ông Lượm.

Chị Phượng thừa nhận chị còn nợ ông Lượm số tiền 36.990.000đ vốn, chị đồng ý trả, nhưng vì điều kiện gia đình gặp nhiều khó khăn không thể trả ngay một lần theo yêu cầu của ông Lượm được, hẹn khi nào mua bán được sẽ trả nợ cho chị ông Lượm.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa HĐXX nhận định: việc tranh chấp tiền hụi giữa ông Giả Văn Lượm và chị Nguyễn Thị Phượng là có xảy ra trên thực tế. bởi các bên cùng xác định có 01 dây hụi do chị Phượng làm chủ Loại hụi 1.000.000đ/chưng, khui ngày 30/08/2009 kết thúc vào ngày 15/08/2010, số tiền vốn mà ông Lượm đóng cho chị Phượng trong quá trình chơi hụi là 36.990.000đ, ông Lượm yêu cầu chị Phượng thanh tóan khỏan tiền 36.990.000đ. yêu cầu tính lãi từ ngày 15/08/2010 đến nay và ở giai đọan thi hành án. HĐXX

xét thấy yêu cầu của ông Lượm là một yêu cầu chính đáng, theo đúng tinh thần pháp luật đã quy định nên chấp nhận yêu cầu của ông Lượm là phù hợp.

Xét lời trình bày của chị Nguyễn Thị Phượng chị thừa nhận tòan bộ lời trình bày của ông Lượm là đúng, chị có làm đầu thảo Loại hụi 1.000.000đ/chưng, khui ngày 30/08/2009 dây hụi có 26 chưng, 15 ngày khui một lần, ông Lượm tham gia 02 chưng, hai chưng hụi của ông Lượm còn sống và là hai chưng cuối cùng, hụi kết thúc vào ngày 15/08/2010, từ khi giao dịch đến khi kết thúc ông Lượm đã đóng được 36.990.000đ tiền vốn, nhưng chị Phượng nại ra rằng do điều kiện gia đình gặp kho khăn không thể trả nợ cho ông Lượm được, mà hẹn khi nào mua bán được mới trả nợ cho ông Lượm, HĐXX xét thấy lời nại ra của chị Phượng là không thể chấp nhận được bởi lẽ chị Phượng thừa nhận có nợ nhưng không thể hiện thiện trí trả nợ, nên cần buộc chị Phượng có nghĩa vụ trả ông Lượm số tiền 36.990.000đ tiền vốn và lãi được tính cụ thể từ ngày 15/08/2010 đến khi xét xử như sau : 36.990.000đ x 9 tháng 10 ngày x 1.167% = 4.029.000đ

Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Nguyễn Thị Phượng phải nộp 2.050.000đ, tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Gía Rai. Số tiền tạm ứng án phí của ông Lượm dự nộp 1.200.000đ lai thu số 001926 ngày 11 tháng 05 năm 2011 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai sẽ được hòan lại đủ ở giai đoạn thi hành án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 25 BLTTDS; và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2010 của Ủy Ban thường vụ quốc hội quy định về về án phí, lệ phí Tòa án.

Vận dụng Điều 476, 479 BLDS; và điều 10, điều 13 Nghị định 144/2006/NĐ – CP của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường

- 1/**Tuyên xử**: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Giả Văn Lượm đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Phượng về tiền nợ hụi.

2/- Buộc : chị Nguyễn Thị Phượng có nghĩa vụ trả cho Giả Văn Lượm số tiền nợ hụi là 36.990.000đ, tiền vốn. 4.029.000đ tiền lãi

3/. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Nguyễn Thị phải nộp 2.050.000đ, tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Gía Rai. Số tiền tạm ứng án phí ông Lượm dự nộp 1.200.000đ lai thu số 001926 ngày 11 tháng 05 năm 2011 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai sẽ được hòan lại đủ ở giai đoạn thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng nhà nước quy định tại khoản 2 điều 305 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoã thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án sử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn, và những người tham gia tố tụng khác, báo cho họ biết, họ có quyền chống án, kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM- HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nơi nhận :
Tòa án Tỉnh
VKS cùng cấp
Thi hành án
Đương sư

Thẩm phán – chủ tọa

NGUYỄN VĂN TÀI

TOÀ ÁN NHÂN DÂN VIỆT NAM
HUYỆN GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU
****

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số :11/ ST- DS
Ngày: 20/05/2011
Thụ lý số : 38/2011
Ngày: 25/04/2011
"Hợp đồng thế chấp tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÍA RAI
Với hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên Toà : Ông ***Nguyễn Văn Tài***
Hội thẩm:
1/ Bà : ***Trương Thị Hương***
2/ Ông : ***Thạch Vủ***

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông ***Lê Khắc Hải***

Ngày 20/05/2011, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giá Rai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2011/TLDS – ST ngày 25/04/2011 về việc Tranh chấp " *hợp đồng thế chấp tài sản* " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2011/QĐST – DS ngày 04/05/2011 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: ***Trần Việt Hùng*** sinh năm 1959

Đặng Thị Ngân (**Thu Thủy**) Sinh năm 1969

Cùng địa chỉ: Ấp Xóm Mới, Tân Thạnh - Giá Rai - Bạc Liêu.

Tạm trú : ấp nhàn dân A – Tân Phong – Giá Rai – Bạc Liêu

Bị đơn: ***Lý Văn Buốl*** sinh năm 1952

Kha Thị Luối Sinh năm 1959

Cùng địa chỉ: ấp Nhà Dân A – Tân Phong - Giá Rai - Bạc Liêu.

(Nguyên đơn , bị đơn có mặt tại phiên toà)

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai anh Trần Việt Hùng, chị Đặng Thị Ngân trình bày : Ngày 12/6/2007, anh Hùng, chị Ngân có nhận thế chấp căn nhà và đất thổ cư của anh Lý Văn Buốl và chị Kha Thị Luối, với số tiền là 360.000.000đ có làm giấy tờ, có chính quyền địa phương xác nhận, có nhiều người biết, nội dung của hợp đồng thế chấp nhà và đất ở thể hiện anh Lý Văn Buốl, chị Kha Thị Luối thế chấp cho anh Hùng, chị Ngân căn nhà và đất ở có vị trí như sau :

Phía Đông giáp Huỳnh Tú Hoàng

Phía Tây giáp Trần Việt Hùng

Phía Nam giáp kinh Bạc Liêu – Cà Mau

Phía Bắc giáp Quốc lộ 1A

Với số tiền thế chấp là : 360.000.000đ (Ba trăm sáu mươi triệu đồng chắn) lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%./tháng, nhưng chỉ tính trên số tiền 60.000.000đ còn số tiền 300.000.000đ không tính lãi, số tiền lãi phải đóng đúng ngày hàng

tháng, và không quá 10 ngày với thời gian cầm thế chấp là 03 năm, là vào ngày 13/06/2010, nếu bên thế chấp không thực hiện đúng theo hợp đồng đã quy định, thì phía anh Trần Việt Hùng, và chị Đặng Thị Ngân (Thu Thủy) được quyền thanh lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật. nhưng khi đến hẹn anh Buốl, chị Luối không thực hiện nghĩa vụ của mình theo hợp đồng mà các bên đã ký kết, nên anh Hùng, chị Ngân đã yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết, anh Hùng, chị Ngân yêu cầu buộc anh Lý Văn Buốl, chị Kha Thị Luối thực hiện theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết, nếu không thực hiện thì yêu cầu anh Buốl, chị Luối trả anh chị số tiền 360.000.00đ yêu cầu tính tiền lãi của số tiền 360.000.000đ kể từ ngày chấp dứt hợp đồng là ngày 13/06/2010 đến khi xét xử và ở giai đoạn thi hành án

Anh Lý Văn Buốl, chị Kha Thị Luối trình bày : Cách nay khoảng 7- 8 năm vợ chồng anh Buốl, chị Luối có giao dịch với vợ chồng anh Hùng, chị Ngân bằng hình thức mượn tiền trả góp lần đầu là 5.000.000đ, rồi 10.000.000đ qua nhiều lần vay mượn như vậy đến năm 2005 tổng số tiền lên đến 125.000.000đ, do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn con bị bệnh hiểm nghèo không đóng lãi cho chị Ngân, anh Hùng được, đến năm 2007 chị Ngân nói số tiền chị Luối nợ chị là 125.000.000đ vốn và lời tính đến nay là 300.000.000đ, vợ chồng anh Buốl, chị Luối cũng đồng ý, sau đó anh Buốl chị Luối có vay thêm của chị Ngân, anh Hùng số tiền 60.000.000đ, tổng cộng là 360.000.000đ, vợ chồng chị đã viết giấy thế chấp tài sản là nhà và đất tọa lạc tại ấp khúc tréo A Tân Phong – Giá Rai - Bạc Liêu cho vợ chồng anh Hùng, chị Ngân, với thời gian là 03 năm kể từ ngày 12/06/2007 đến ngày 12/06/2010 nhưng chỉ chịu lại xuất của số tiền là 60.000.000đ còn số tiền 300.000.000đ là không chịu tiền lãi trong thời gian là 3 năm, từ khi vay tiền chị có đóng lãi được khỏang 10 tháng cho chị Ngân anh Hùng theo thỏa thuận, sau đó không đóng nữa do hòan cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn, anh, chị thừa nhận anh, chị còn nợ anh Hùng, chị Ngân số tiền 360.000.000đ, anh, chị đồng ý trả nợ, nhưng vì điều kiện gia đình gặp nhiều khó khăn xin trả dần mỗi tháng là 4.000.000đ đến khi hết nợ và không đồng ý trả lãi.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của các đương sự tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định. Việc giao dịch hợp đồng thế chấp tài sản giữa anh Trần Việt Hùng, chị Đặng Thị Ngân và anh Lý Văn Buốl, chị Kha Thị Luối là có xảy ra trên thực tế thông qua sự thừa nhận của các bên đương sự.

Xét lời trình bày của anh Trần Viêt Hùng, chị Đặng Thị Ngân ngày 12/6/2007, anh Hùng, chị Ngân có nhận thế chấp căn nhà và đất thổ cư của ông Lý Văn Buốl và bà Kha Thị Luối, với số tiền là 360.000.000đ (Ba trăm sáu mươi triệu đồng chắn) lãi suất là 3%./tháng, nhưng chỉ tính trên số tiền 60.000.000đ còn số tiền 300.000.000đ không tính lãi, thời gian cầm thế chấp là 03 năm, có chính quyền địa xác nhận, anh Buốl, chị Luối giao giấy chứng nhận QSD đất do anh Buốl đứng tên cho anh Hùng, chị Ngân quản lý trong thời gian thế chấp, anh Hùng, chị Ngân yêu cầu anh Buốl, chị Luối trả số tiền 360.000.000đ, yêu cầu tính lãi từ ngày 13/06/2010 đến khi xét xử và ở giai đọan thi hành án, lời trình bày của anh Hùng, chị Ngân được xác nhận là thật bởi chính anh Buốl và chị Luối cũng thừa nhận như lời anh Hùng, chị Ngân trình bày là đúng, HĐXX xét thấy lời trình bày của anh Hùng, chị Ngân là hòan tòan có cơ sở để chấp nhận.

Xét lời trình bày của anh Buốl, chị Luối tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 04/05/2011 cũng như tại tờ tường trình ngày 11/05/2011, anh Buốl, chị Luối đều thừa nhận là có thế chấp tài sản là nhà và đất ở cho anh Hùng, chị Ngân với số tiền là 360.000.000đ, có giấy tờ, có chính quyền địa phương xác nhận, việc thế chấp tài sản này là tự nguyện, không bị ép buộc, đồng ý trả nợ anh Hùng, chị Ngân, trả dần mỗi tháng 4.000.000đ đến khi hết nợ, không đồng ý trả lãi, anh Buốl, chị Luối nại ra rằng số tiền 360.000.000đ không phải là vốn mà cả vốn và lãi, và trong quá trình giao dịch với anh Hùng, chị Ngân, anh Buốl, chị Luối đã đóng lãi cho anh Hùng, chị Ngân quá nhiều, nhưng anh Buốl, chị Luối lại không có chứng cứ gì để chứng minh cho việc là chị đã trả lãi cho anh Hùng, chị Ngân quá nhiều như lời chị trình bày để Tòa án bảo vệ quyền lợi cho anh, chị theo quy định của pháp luật, HĐXX xét thấy không thể thỏa mãn theo yêu cầu của anh Buốl, chị Luối được mà cần phải buộc anh Buốl, chị Luối có nghĩa vụ trả anh

Hùng số tiền 360.000.000đ tiền vốn, (360.000.000đ x 1.167%/tháng x 11 tháng 07 ngày = 47.193.000đ)

Về án phí anh Lý Văn Buốl, chị Kha Thị Luối phải nộp 20.287.000đ tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Giá Rai, anh Trần Việt Hùng đã dự nộp 8.000.000đ, ngày 25/04/2011 lai thu số 001911 sẽ được hòan trả lại đủ ở giai đọan thi hành án.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 điều 25 BLTTDS, và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2010 của Ủy Ban thường vụ quốc hội quy định về về án phí, lệ phí Tòa án.

Vận dụng Điều 348, 349,350,351, 474, 476 luật dân sự

1/- **Tuyên xử** : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Việt Hùng, chị Đặng Thị Ngân đối với anh Lý Văn Buốl và chị Kha Thị Luối về việc tranh chấp hợp đồng thế chấp tài sản.

2/- Buộc anh Lý Văn Buốl, chị Kha Thị Luối có nghĩa vụ trả cho anh Trần Việt Hùng, chị Đặng Thị Ngân số tiền 360.000.000đ,(*Ba trăm sáu mươi triệu đồng*) tiền vốn, 47.193.000đ (*Bốn mươi bảy triệu một trăm chín mươi ba ngàn đồng chắn*) tiền lãi

Anh Trần Việt Hùng, chị Đăng Thị Ngân (Thu Thủy) có nghĩa vụ giao trả anh Lý Văn Buốl, chị Kha Thị Luối 01 (một) giấy chứng nhận QSD đất có diện tích 79m^2 tại thửa 190, tờ bản đồ số 5A do anh Lý Văn Buốl sinh năm 1957 địa chỉ : ấp Nhàn dân A Tân Phong – Giá Rai - Bạc Liêu đứng tên giấy chứng nhận

3/ Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 điều 305 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoã thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

4/- Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch, Anh Lý Văn Buốl, chị Kha Thị Luối phải nộp 20.287.000đ tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Giá Rai, anh Trần Việt Hùng đã dự nộp 8.000.000đ, ngày 25/04/2011 lai thu số 001911 sẽ được hòan trả lại đủ ở giai đọan thi hành án.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên, bị đơn và những người tham gia tố tụng khác, báo cho họ biết họ có quyền kháng cáo, kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm

- Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu
- VKSND huyện Giá Rai
- Chi Cục THADS huyện Giá Rai
- Đương sư
- Lưu.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN VĂN TÀI

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU

Bản án số: 05A/2011/ DSST
Ngày: 28/02/2011
V/v chấp đòi bồi thường thiệt hại về sức khỏe.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIÁ RAI
Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông ***Lê Văn Thiêm***
- Các hội thẩm nhân dân:

1/- Ông: ***Thạch Vũ***
2/- Bà: ***Cao Thị Mỹ Phượng***

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà ***Võ Minh Thu***, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Giá Rai.

Ngày 28 tháng 02 năm 2011, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2011/ TLST – DS ngày 11 tháng 02 năm 2011 về tranh chấp " đòi bồi thương thiệt hại về sức khoẻ" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2011/ QĐST – DS ngày 16 tháng 02 năm 2011 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ***Nguyễn Kiều Dung*** Sinh năm 1955
- Địa chỉ: Ấp 19 – Phong Tân – Giá Rai - Bạc Liêu
- Bị đơn: Bà ***Lê Kim Phụng*** Sinh năm 1970
- Địa chỉ: Ấp 19 – Phong Tân – Giá Rai - Bạc Liêu

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên Tòa)

NHẬN THẤY

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Kiều Dung trình bày: vào ngày 10/08/2010 Lê Kim Phụng là người ở cùng xóm uống rượu say đánh bà gây thương tích phải đi nằm viện Giá Rai điều trị 05 ngày với các khỏan chi phí là 893.000đ, nay bà Dung yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Kim Phụng phải bồi thường tiền thuốc 393.000đ, tiền tàu xe 100.000đ, tiền ăn 400.000đ.

- Bị đơn bà Lê Kim Phụng trình bày: lý do xảy ra xô xát giữa bà và bà Dung là do mâu thuẫn chòm xóm, bà Dung đã nhiều lần dùng những lời lẽ thô tục để xúc phạm đến bà, nhưng bà đều bỏ qua vì bà nghĩ đến tình nghĩa chòm xóm, đến ngày 10/08/2010, khi bà đi chơi ở nhà người bạn về, bà có uống rượu đến ngang nhà trưởng ấp 19 - Phong Tân thì bà và bà Dung gặp nhau trên tuyến đường, bà Dung đã dùng những lời lẽ thô tục để chửi bà, hai bên lời qua tiếng lại do có rượu không kiềm chế được nên đã dẫn đến ấu đả với nhau, bà có đánh bà Dung một bạt tai, bà Dung cũng đánh lại bà, sau đó được mọi người can ngăn, bà đánh bà Dung không gây thương tích nên bà không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà Dung.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định: xét về đơn khởi kiện của bà Nguyễn Kiều Dung kiện bà Lê Kim Phụng yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe về việc bà Phụng đánh bà Dung gây thương tích vào ngày 10/08/2010 phải nằm viện tại Bệnh viện đa khoa huyện Giá Rai điều trị từ ngày 15/08/2010 đến ngày 19/08/2010 mới xuất viện, theo giấy y chứng của Bệnh viện đa khoa huyện Giá Rai ngày 19/08/2010 bà Nguyễn Kiều Dung có những thương tích sau:

+ Vùng thái dương T vết thương trầy xướt da nhẹ;
+ Vết xây xướt da môi T và môi dưới T đã lành.

Với tổng số tiền điều trị của bà Nguyễn Kiều Dung được xác định các khoản chi phí là 893.000đ, bà Dung yêu cầu bà Phụng phải bồi thường cho Dung số tiền 893.000đ, còn phía bà Lê Kim Phụng thừa nhận vào ngày 10/08/2010 bà Phụng có cự củ qua lại và xô sát với bà Dung và bà Phụng đã đánh bà Dung bằng tay không gây thương tích, bản thân bà Phụng không đồng ý bồi thường cho bà Dung số tiền 893.000đ, căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án

và qua cuộc thẩm vấn công khai cũng như tranh luận tại phiên tòa đã có đủ căn cứ để xác định vào ngày 10/08/2010 bà Nguyễn Kiều Dung đã bị bà Lê Kim Phụng đánh gây thương tích, phải nằm viện điều trị tại Bệnh viện đa khoa huyện Giá Rai với thời gian nhập viện từ ngày 15/08/2010 đến ngày 19/08/2010, điều này đã được bà Lê Kim Phụng thừa nhận tại phiên tòa là bà Phụng đã đánh bà Dung vào ngày 10/08/2010, về phía bà Dung yêu cầu bà Phụng phải bồi thường cho bà Dung tổng số tiền là 893.000đ, còn bà Phụng không đồng ý bồi thường cho bà Dung, bà cho rằng bà đánh bà Dung không gây ra thương tích, từ những căn cứ nội dung đã nêu trên, HĐXX xét thấy bà Nguyều Kiều Dung bị gây thương tích là do lỗi của bà Lê Kim Phụng đánh bà Dung bị thương tích phải nằm viện điều trị tại Bệnh viện đa khoa huyện Giá Rai vì vậy xét thấy cần buộc bà Lê Kim Phụng phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Kiều Dung tất cả các khoản chi phí hợp pháp trong thời gian điều trị từ ngày 15/08/2010 đến ngày 19/08/2010 tổng cộng các khỏan là 893.000đ là hoàn tòan có căn cứ pháp luật.

Xét về lời trình bày của Lê Kim Phụng bà thừa nhận là có đánh bà Nguyễn Kiều Dung nhưng bà Phụng không đồng ý bồi thường cho bà Dung, HĐXX xét thấy vấn đề bà Phụng không đồng ý bồi thường cho bà Dung là chưa thỏa đáng theo tinh thần pháp luật đã quy định, là người gây thiệt hại cho người khác phải chịu trách nhiệm bồi hoàn toàn bộ thiệt hại do lỗi của mình gây ra theo quy định tại điều 609 BLDS, vì vậy xét thấy cần buộc bà Lê Kim Phụng có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Kiều Dung số tiền là 893.000đ theo toa vé hợp pháp và các chi phí hợp lý khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Lê Kim Phụng phải nộp 200.000đ, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 6 điều 25 BLTTDS; Điều 609 BLDS và Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

+ Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Kiều Dung đối với bà Lê Kim Phụng về việc đòi bồi thường thiệt hại về sức khoẻ.

+ Buộc bà Lê Kim Phụng có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Kiều Dung số tiền 893.000đ

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 điều 305 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoã thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch bà Lê Kim Phụng phải nộp 200.000đ, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các bên đương sự và những người tham gia tố tụng khác biết, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm

- Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu
- VKSND huyện Giá Rai
- Chi Cục THADS huyện Giá Rai
- Đương sư
- Lưu.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Thiêm

Ư

TOÀ ÁN NHÂN DÂN VIỆT NAM
HUYỆN GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU
****

Bản án số :05/ ST- DS
Ngày: 25/02/2011
Thụ lý số : 68/2009
Ngày: 12/06/2009
"Hợp đồng cầm cố tài sản"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÍA RAI
Với hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên Toà : Bà ***Nguyễn Thị Ngoan***
Hội thẩm:
1/ Bà : ***Trương Thị Hương***
2/ Ông : ***Hùynh Quang Lâm***
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông **Lê Khắc Hải**

Ngày 25/02/2011, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giá Rai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2009/TLDS – DS ngày 12/6/2009 về việc Tranh chấp " *hợp đồng cầm cố tài sản* " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2011/QĐST – DS ngày 21/01/2011, Quyết định hõan 10/02/2011 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Chị ***Nguyễn Trí Hiếu*** sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp 2, Thị trấn Hộ Phòng, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh ***Trần Tấn Giai (Kia)*** sinh năm 1974

Địa chỉ: Số 113, khóm 5, đường 30 tháng 4, ấp 2, thị trấn Hộ Phòng, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên toà không lý do)

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai chị Nguyễn Trí Hiếu trình bày : Ngày 16/2/2006, chị có cầm 01 (một) đôi bông tai hột xoàn 3ly5 cho anh Trần Tấn Giai (Kia) với số tiên là 2.000.000đ, lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%./tháng, Chị Hiếu đóng lãi được hai tháng (60.000đ) thì ngưng đóng do hoàn cảnh gặp khó khăn. Trước khi ngưng đóng, chị Hiếu có thoả thuận với anh Giai và được anh Giai đồng ý cho ngưng đóng lãi đến khi nào chị Hiếu có tiền chuộc lại đôi bông thì tính tiền vốn và lãi luôn. Đến tháng 08 năm 2006 chị Hiếu đem tiền đến chuộc lại đôi bông thì anh Giai không cho chuộc anh cho rằng đã bị đứt do thời gian quá lâu, chị không đồng ý nên chị yêu cầu đến các cơ quan chức năng giải quyết.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải Quyết buộc anh Giai (Kia) cho chị được chuộc lại đôi bông hột soàn 3ly5 mà chị đã cầm cố cho anh Giai, yêu cầu được nhận bằng giá trị.

Anh Trần Tấn Giai (Kia) Suốt trong quá trình thụ lý hồ sơ vụ kiện (Từ ngày 12 tháng 06 năm 2009) đến nay Toà án đã mời anh Giai lên làm việc hợp lệ nhiều lần nhưng không lần nào anh có mặt theo giấy triệu tập của Tòa. Dù anh Giai không có mặt tại Tòa để làm việc, nhưng căn cứ vào lời khai của anh tại Biên bản ghi lời khai ngày 14/9/2007 (do Công an huyện Giá Rai tiến hành) anh Giai

thể hiện Anh là người trung gian để anh Mến và chị Hiếu giao dịch với nhau nên anh không đồng ý theo yêu cầu của chị Hiếu.

Tòa án đã làm đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật xong anh Giai vẫn vắng mặt nên căn cứ khỏan 2 điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Giai.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của chị Hiếu tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định. Việc giao dịch giữa chị Hiếu và anh Giai dù không lập thành văn bản nhưng dựa vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện thì giao dịch giữa chị Hiếu và anh Giai về việc cầm cố tài sản là một đôi bông hột soàn là thật. xét lời trình bày của chị Hiếu là có cơ sở bởi chị chứng minh được nguồn gốc của đôi bông là do mẹ chồng cho, lời trình bày của bà Kiều có trong hồ sơ phù hợp với lời trình bày của chị Hiếu

Xét lời trình bày của anh Trần Tấn Giai tai biên bản ghi lời khai ngày 14/09/2007 do công an Huyện Gía Rai thể hiện, thì anh Giai trình bày anh chỉ là người trung gian, để chị Hiếu và anh Mến giao dịch cầm cố, chứ anh Giai không phải là người cầm cố, anh là người nhận tiền lời của chị Hiếu hộ anh Mến, nhưng tại biên thoản thuận ở thị Trấn Hộ Phòng thì anh Giai yêu cầu chị Hiếu thanh toán tiền vốn và tiền lãi là 3.600.000đ thì anh sẽ mua trả chị Hiếu đôi bông hột soàn khác, lời nại ra của anh Giai là không có cơ sở để chấp nhận, bởi vì những lời trình bày của anh Giai nó mâu thuẫn với nhau và cũng từ những mâu thuẫn đó đã có đủ cơ sở để khẳng định rằng đội bông hột soàn của chị Hiếu là do anh Giai quản lý, việc anh nại ra anh chỉ là người trung gian đúng ra nhận cầm cố cho anh Mến là không có cơ sở, anh không cung cấp địa chỉ cụ thể của ánh Mến, nên anh phải có nghĩa vụ trả lại cho chị Hiếu, nếu không trả bằng vật thì quy đổi ra tiền theo gia trị tại thời điểm xét xử để trả, Đôi bông hột soàn 3ly5 của chị Hiếu đã được tiệm vàng Học – đăng ký kinh doanh mặt hàng vàng bạc, đã quý có địa chỉ tại ấp 2, thị trấn Hộ Phòng, huyện Giá Rai xác định có giá trị 10.000.000đ tại thời điểm tháng 02 năm 2006 (thời điểm giao dịch thực hiện) và thời điểm hiện tại (25/10/2010) có giá trị là 14.000.000đ.

Từ những nội dung phân tích xét yêu cầu của chị Hiếu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc anh Giai có nghĩa vụ trả cho chị Hiếu đôi bông hột sòan 3ly5 quy ra tiền tương ứng với giá trị đôi bông cầm cố vào thời điểm xét xử. là 14.000.000đ. chị Hiếu có nghĩa vụ trả anh Giai (Kia) 2.000.000đ tiền vốn, và 1.146.000đ tiền lãi tính từ khi giao dịch ngày 16/02/2006 đến hôm nay, chị Hiếu đã trả được 60.000đ sẽ được khấu trừ (2.000.000đ x 1% x 60 tháng 9 ngày = 1.206.000đ – 60.000đ = 1.146.000đ)

Về án phí Anh Trần Tấn Giai(Kia) phải nộp 700.000đ tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Giá Rai,chị Nguyễn Trí Hiếu phải nộp 200.000đ, chị Hiếu đã dự nộp 400.000đ, ngày 12/06/2009 lai thu số 002537 sẽ được đối trừ ở giai đọan thi hành án.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 điều 25 BLTTDS, và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2010 của Ủy Ban thường vụ quốc hội quy định về về án phí, lệ phí Tòa án.

Vận dụng Điều 127,137 Bộ luật dân sự

Tuyên xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Trí Hiếu đối với anh Trần Tấn Giai về việc tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản.

Buộc anh Trần Tấn Giai (Kia) có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Trí Hiếu số tiền 14.000.000đ,(Muời bốn triệu đồng) chị Nguyễn Trí Hiếu có trách nhiệm trả anh Trấn Tấn Gia (Kia) 2.000.000đ tiền vốn và 1.146.000đ tiền lãi.

3/ Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 điều 305 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoã thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch, Anh Trần Tấn Giai phải nộp 700.000đ tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Giá Rai, chị Nguyễn Trí Hiếu phải nộp 200.000đ, chị Hiếu đã dự nộp 400.000đ, ngày 12/06/2009 lai thu số 002537 sẽ được đối trừ ở giai đọan thi hành án.

Án xử sơ thẩm công khai. Báo cho chị Nguyễn Trí Hiếu biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh Trần Tấn Giai biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

HỘI THẨM	CHỦ TỌA	HỘI THẨM
TRƯƠNG THỊ HƯƠNG	**NGUYỄN THỊ NGOAN**	**HÙYNH QUANG LÂM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

Bản án số: 04/ DSST
Ngày: 11/02/2011
Thụ lý số:04/DSST
Ngày: 12/01/2011
Tranh chấp hợp đồng nợ hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÍA RAI
VỚI HỘI ĐỒNG XÉT XỬ GỒM CÓ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông ***Nguyễn Văn Tài***
Các hội thẩm nhân dân:
1/- ***Nguyễn Thành Nhạn***
2/- ***Mai Hoàng Phương***
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông ***Lê Khắc Hải*** Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Giá Rai.

Ngày 11 tháng 02 năm 2011, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2011/TLST – DS ngày 12 tháng 01 năm 2011 về tranh chấp "tiền hụi" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2010/ QĐST – DS ngày 26 tháng 01 năm 2011 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Xiếu** Sinh năm 1962
- Địa chỉ: ấp 10 – Tân Phong – Giá Rai - Bạc Liêu
* Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Hiền** Sinh năm 1964
- Địa chỉ: Ấp 7 – Phong Thạnh Tây – Giá Rai - bạc Liêu
(Nguyên đơn, bị đơn có mặt)

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai chi Nguyễn Thị Xiếu trình bày: Vào ngày 29/11/2008 chị có tham gia chơi hụi của chị Hiền loại hụi 10.000đ, dây hụi có 160 chưng, chị tham gia 5 chưng, một ngày khui một lần, hụi sống đóng được 1.000.000đ, dây hụi này chị Hiền còn nợ chị 2.000.000đ

Ngày 15/12/2008 chị có tham gia chơi hụi của chị Hiền loại hụi 200.000đ, chị tham gia 5 chưng, dây hụi có 45 chưng, 15 ngày khui một lần, chị chưa hốt chưng nào, chị đóng được 22 lần thì chị Hiền tuyên bố hụi bể, chị đã đóng với số tiền 12.250.000đ. dây hụi này chị Hiền còn nợ tôi 22.000.000đ

Ngày 26/12/2008 chị có chơi hụi loại hụi 10.000đ, dây hụi có 165 chưng, mỗi ngày khui một lần, chị tham gia 11 chưng, chị đã hốt hết 11 chưng, tổng cộng chị đã hốt được tổng số tiền 13.530.000đ, chị đã đóng hụi sống cho chị Hiền 11.550.000đ. không đóng hụi chết được ngày nào. dây hụi này chị thiếu chị Hiền lại 760.000đ

Nay chị yêu cầu Toà án giải quyết buộc chị Hiền trả cho chị tổng cộng số tiền của các dây hụi là : 24.000.000đ, yêu cầu tính lãi từ khi giao dịch đến nay cũng như ở giai đoạn thi hành án. yêu cầu thanh toán một lần sau khi án có hiệu lực.

Chị Nguyễn Thị Hiền trình bày **:**Vào ngày 29/11/2008 chị có làm chủ hụi loại hụi 10.000đ, day hụi có 160 chưng, chị chị Xiếu tham gia 5 chưng, mỗi ngày khui một lần, dây hụi này chị Xiếu chưa hốt chưng nào, chị Xiếu đã đóng được 28 lần với tổng số tiền là 980.000đ.

Vào ngày 15/12/2008 chị có làm chủ hụi loại hụi 200.000đ, chị Xiếu tham gia 5 chưng, dây hụi có 45 chưng, 15 ngày khui một lần, chị Xiếu chưa hốt chưng nào, chị gom được 22 lần, chị tuyên bố hụi bể lý do bị tai em dựt hụi, chị Xiếu đã đóng được tổng cộng là 12.250.000đ

Vào ngày 26/12/2008 chị có làm chủ hụi loại hụi 10.000đ, dây hụi có 165 chưng, mỗi ngày khui một lần, chị Xiếu tham gia 11 chưng, chị Xiếu đã hốt hết 11 chưng, tổng cộng chị Xiếu đã hốt được tổng số tiền 15.488.000đ, chị Xiếu đã đóng cho tôi cả sống lẫn chết là 10.020.000đ.

Chị Hiền thừa nhận chị còn nợ tiền hụi chị Xiếu, nhưng từ khi bể hụi đến nay chị đã tạo mọi điều kiện để trả cho chị Xiếu được 4.200.000đ, chị đồng ý trả nợ nhưng vì điều kiện gia đình gặp nhiều khó khăn, không thể trả 1 lần theo yêu cầu của chị Xiếu được, xin trả dần mỗi tháng 200.000đ đến khi hết nợ, đồng ý trả lãi theo quy định của nhà nước từ khi giao dịch đến nay cũng như ở giai đoạn thi hành án. không đồng ý theo yêu cầu của chị Xiếu đòi số tiền 24.000.000đ.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa HĐXX nhận định: việc tranh chấp tiền hụi giữa chị Nguyễn Thị Xiếu và chị Nguyễn Thị Hiền là có xảy ra trên thực tế. Các bên cùng xác định có 03 dây hụi do chị Hiền làm chủ dây thứ nhất Loại hụi 10.000đ, dây hụi có 160 chưng, chị tham gia 5 chưng, một ngày khui một lần, hụi sống đóng được 1.000.000đ.

Dây thứ 02 loại hụi 200.000đ, chị Xiếu tham gia 5 chưng, dây hụi có 45 chưng, 15 ngày khui một lần, chị chưa hốt chưng nào, chị đóng được 22 lần thì chị Hiền

tuyên bố hụi bể, chị đã đóng với số tiền 12.250.000đ. chị Hiền đã trả 4.200.000đchị Hiền còn nợ 8.050.000đ

Dây thứ 03 loại hụi 10.000đ, dây hụi có 165 chưng, mỗi ngày khui một lần, chị Xiếu tham gia 11 chưng, chị đã hốt hết 11 chưng, tổng cộng chị đã hốt được tổng số tiền 13.530.000đ, chị đã đóng hụi sống cho chị Hiền 11.550.000đ. không đóng hụi chết được ngày nào, chị Xiếu nợ chị Hiền 1.980.000đ

Từ khi chị Hiền tuyên bố bể hụi đến nay chị Hiền cũng tạo mọi điều kiện để trả cho chị Xiếu được 4.200.000đ, HĐXX xét thấy quá trình xây dựng hồ sơ tại biên bản hoà giải ngày 24/01/2011 chị xiếu và chị Hiền các bên đã thống nhất với nhau về các nội dung sau; về ngày tháng giao dịch, về số tiền đã đóng, đã hốt, và đã nhận sau khi bể hụi của các dây hụi chị Xiếu và Chị Hiền thống nhất được hết với nhau. HĐXX xét thấy không thể thỏa mãn theo yêu cầu của chị Xiếu được bởi vì Nghị định 144/2006 /NĐ – CP Nghị định của chính phủ đã quy định giải quyết cụ thể về hụi, khi có tranh chấp hụi xảy ra thì chỉ được tính phần vốn đã đóng và đã nhận và được tính lãi theo quy định của Ngân hàng nhà nước quy định, do đó chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của chị Xiếu buộc chị Nguyễn Thị Hiền phải trả cho chị Nguyễn Thị Xiếu số tiền vốn là 7.070.000đ, tiền lãi của 25 tháng là 7.070.000đ x 1% x 25 tháng = 8.837.500đ

Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Nguyễn Thị Hiền phải nộp 441.000đ, chị Nguyễn Thị Xiếu phải nộp 758.000đ tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Gía Rai. Số tiền tạm ứng án phí chị Xiếu dự nộp 600.000đ lai thu số 001828 ngày 12 tháng 01 năm 2011 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai sẽ được đối trừ ở giai đoạn thi hành án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 25 BLTTDS; vận dụng Điều 476, 479 BLDS; và điều 10, điều 13 Nghị định 144/2006/NĐ – CP của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường

- 1/**Tuyên xử**: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xiếu đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Hiền về tiền nợ hụi.

2/- **Buộc** : chị Nguyễn Thị Hiền có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Xiếu số tiền nợ hụi là 8.837.500đ.

Không chấp nhận phần chị Nguyễn Thị Xiếu kiện đòi chị Nguyễn Thị Hiền số tiền 15.172.500đ.

3/. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Nguyễn Thị Hiền phải nộp 441.000đ, chị Nguyễn Thị Xiếu phải nộp 758.000đ tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Gía Rai. Số tiền tạm ứng án phí chị Xiếu dự nộp 600.000đ lai thu số 001828 ngày 12 tháng 01 năm 2011 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai sẽ được đối trừ ở giai đoạn thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng nhà nước quy định tại khoản 2 điều 305 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoã thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án sử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn, và những người tham gia tố tụng khác, báo cho họ biết, họ có quyền chống án, kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM- HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nơi nhận :
Tòa án Tỉnh
VKS cùng cấp
Thi hành án
Đương sư

Thẩm phán – chủ tọa

NGUYỄN VĂN TÀI

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

Bản án số: 01/ DSST
Ngày: 07/01/2011
Thụ lý số:111/DSST
Ngày: 17/12/2010
Tranh chấp đòi bồi thiệt hại sức khoẻ

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÍA RAI
VỚI HỘI ĐỒNG XÉT XỬ GỒM CÓ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông ***Nguyễn Văn Tài***
Các hội thẩm nhân dân:
1/- ***Thạch Vủ***
2/- ***Trương Thị Hương***
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông ***Lê Khắc Hải***, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Giá Rai.

Ngày 07 tháng 01 năm 2011, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2010/ TLST – DS ngày 17 tháng 12 năm 2010 về tranh chấp " đòi bồi thương thiệt hại sức khoẻ" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2010/ QĐST – DS ngày 20 tháng 12 năm 2010, và Quyết định hoãn ngày 31/12/2010 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn dân sự : ***Nguyễn Hải Ngân*** Sinh năm 1980
- Địa chỉ: ấp 4 – TT Giá Rai – Giá Rai - Bạc Liêu
- Bị đơn dân sự : Bà ***Danh Thị Hiền*** Sinh năm 1972
- Địa chỉ: Ấp 4 – TT Giá Rai – Giá Rai - Bạc Liêu
- Bị hại: ***Danh Thị Thanh Ngọc*** Sinh năm 1998
- Địa chỉ: Ấp 4 – TT Giá Rai – Giá Rai - Bạc Liêu

(Nguyên đơn dân sự, Bị đơn dân sự, bị hại có mặt tại phiên Tòa)

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai chị Nguyễn Hải Ngân là nguyên đơn dân sự, và là người đại diện cho em Danh Thị Thanh Ngọc trình bày : vào ngày 16,17,18 tháng 09 năm 2010 vợ chồng chị không có ở nhà vì phải đi làm thuê tại TP – HCM, con gái chị là em Danh Thị Thanh Ngọc có cải vả với chị Danh Thị Hiền, chị Hiền đã đánh con chị đến ngất xỉu phải đi nằm viện tại bệnh viện Giá Rai mấy ngày nhưng không hết nhức đầu và co giật, nên bệnh viện Giá Rai đã chuyển con chị lên bệnh viện Bạc Liêu nằm điều trị một tuần mới xuất viện.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Danh Thị Hiền phải bồi thường tiền thuốc điều trị theo toa vé cho con chị là 3.672.000đ, tiền ăn của người bệnh và người nuôi từ ngày 18/09/2010 đến ngày 29/09/2010 là 2.000.000đ.

Em Danh Thị Thanh Ngọc người bị hại trong vụ kiện trình bày : ngày 16/09/2010 em và chị Hiền có lời qua tiếng lại. em bị chị Hiền đánh một bạt tai thì được người lớn can ngăn, đến ngày 17/09/2010 em Ngọc bị con của chị Hiền là em Bé đánh, sáng ngày 18/09/2010 em Ngọc bị chị Hiền dùng cây đập nước đánh vào đầu em ngất xỉu, sau đó em được người nhà đưa đi bệnh viện cấp cứu, em Ngọc yêu cầu chị Hiền phải bồi thường tiền thuốc và các khoản chi phí hợp lý khác theo quy định của pháp luật.

Chị Danh Thị Hiền là bị đơn dân sự trình bày: chị Hiền và chị Ngân là người ở cùng xóm, nhà ở gần nhau vào ngày 18/09/2010 chị Hiền và em Ngọc có xảy ra xô xát, lý do xô xát là do em Ngọc đến nhà chị dùng những lời lẽ thô tục chủi chị Hiền, khi em Ngọc chửi, chị Hiền có báo với người lớn là bà Ngoại của em Ngọc, nhưng người lớn không giải quyết, do bức xúc nên chị Hiền có đánh em Ngọc bằng tai, chị Hiền không đồng ý bồi thường tiền thuốc và các khoản chi phí khác theo yêu cầu của chị Ngân và em Ngọc, vì chị đánh em Ngọc không gây thương tích.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa HĐXX nhận định: xét về đơn khởi kiện của chị Nguyễn Hải Ngân kiện chị Danh Thị Hiền, yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, về hành vi chị Hiền đánh em Ngọc gây thương tích vào ngày 18/09/2010, em Danh Thị Thanh Ngọc phải nằm bệnh viện điều trị từ ngày 18/09/2010 đế ngày 29/09/2010 mới xuất viện, theo giấy chứng nhận thương tích của bệnh viện đa khoa Tỉnh Bạc Liêu ngày 30/09/2010 em Danh

Thị Thanh Ngọc bị đa chấn thương phần mềm, tổng số tiền điều trị của em Ngọc được xác định các khoản chi phí là: 3.033.500đ, chị Ngân yêu cầu chị Hiền phải bồi thường cho Chị Ngân số tiền 3.033.500đ, còn phía chị Danh Thị Hiền thừa nhận vào ngày 18/09/2010 chị Hiền có cãi qua lại với em Danh Thị Thanh Ngọc, và đã đánh em Ngọc bằng tai nhưng không gây thương tích, bản thân chị Hiền không đồng ý bồi thường cho Em Ngọc số tiền 3.033.500đ, Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, và qua cuộc thẩm vấn công khai và tranh luận tại Tòa hôm nay đã có đủ căn cứ để xác định vào ngày 18/09/2010 em Danh Thị Thanh Ngọc đã bị chị Danh Thị Hiền đánh gây thương tích, phải nằm viện điều trị tại bệnh viện Gía Rai – Bạc Liêu em Danh Thị Thanh Ngọc nhập viện từ ngày 18/09/2010 đến ngày 29/09/2010 mới xuất viện, điều này đã được chị Danh Thị Hiền thừa nhận tại phiên Tòa ngày hôm nay là chị Hiền đã đánh em Ngọc vào ngày 18/09/2010, về phía chị Ngân yêu cầu chị Hiền phải bồi thường cho chị Ngân tổng số tiền là: 3.033.500đ, còn chị Hiền không đồng ý bồi hoàn cho chị Ngân, chị cho rằng chị đánh em Ngọc không gây ra thương tích, từ những căn cứ nội dung đã nêu trên, HĐXX xét thấy em Danh Thị Thanh Ngọc bị gây thương tích là do lỗi của chị Danh Thị Hiền đánh em Ngọc bị thương tích phải nằm viện điều trị tại bệnh viện Gía Rai- Bạc Liêu, vì vậy xét thấy cần buộc chi Danh Thị Hiền phải có nghĩa vụ bồi hoàn cho chị Nguyễn Hải Ngân tất cả các khoản chi phí hợp pháp trong thời gian điều trị từ ngày 18/09/2010 đến ngày 29/09/2010 tổng cộng các khảon là: 3.033.500đ như sau :

1/ Thời gian em Danh Thị Thanh Ngọc điều trị tại bệnh viện Gía Rai từ ngày 18/09/2010 đến ngày 22/09/2010 gồm : tiền thuốc theo toa vé là 385.500đ.

2/ Tiền thuốc theo toa vé điều trị tại bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu từ ngày 23/09/2010 đến ngày 29/09/2010 là . 868.000đ.

- Tiền xe xuất viện đi về nhà : 100.000đ

3/ Tiền ăn của người bệnh và tiền công lao động của người nuôi bệnh từ ngày 18/09/2010 đến ngày 29/09/2010 là 12 ngày, một người, một ngày là 70.000đ x 12 ngày x 2 người = 1.680.000đ.

Xét về lời trình bày của chị Danh Thị Hiền thừa nhận là có đánh em Ngọc nhưng chị Hiền không đồng ý bồi hoàn cho em Ngọc, HĐXX xét thấy vấn đề chị Hiền không đồng ý bồi thường cho em Ngọc là chưa thỏa đáng theo tinh thần pháp luật đã quy định, là người gây thiệt hại cho người khác phải chịu trách nhiệm bồi hoàn toàn bộ thiệt hại do lỗi của mình gây ra cho người

bị hại theo quy định tại điều 609 BLDS , vì vậy xét thấy cần buộc chị Danh Thị Hiền có nghĩa vụ bồi hoàn cho em Danh Thị Thanh Ngọc do chị Nguyễn Hải Ngân đại diện số tiền là 3.033.500đ, theo toa vé hợp pháp và các chi phí hợp lý khác.

Về án phí DSST có giá ngạch chị Danh Thị Hiền phải nộp 200.000đ tại cơ quan thi hành án dân sự Huyện Gía Rai.

Bởi các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 6 điều 25 BLTTDS và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vận dụng khoản 3 điều 609 BLDS

1/ Tuyên xử : chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hải Ngân kiện chị Danh Thị Hiền đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tổ hại sức khoẻ.

2/ Buộc chị Danh Thị Hiền có nghĩa vụ bồi hoàn cho chị Nguyễn Hải Ngân số tiền 3.033.500đ

3/ Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 điều 305 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoã thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án phí DS ST có giá ngạch Danh Thị Hiền phải nộp 200.000đ tại cơ quan thi hành án dân sự Huyện Gía Rai.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và những người tham gia tố tụng khác, báo cho họ biết, họ có quyền chống án, kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM- HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – chủ tọa

Nơi nhận :
Tòa án Tỉnh
VKS cùng cấp
Thi hành án
Đương sư

NGUYỄN VĂN TÀI

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

Bản án số: 44/ DSST
Ngày: 28/12/2010
Thụ lý số:24/DSST
Ngày: 18/03/2010
Tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÍA RAI
VỚI HỘI ĐỒNG XÉT XỬ GỒM CÓ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông ***Nguyễn Thi Ngoan***
Các hội thẩm nhân dân:
1/- ***Thạch Vủ***
2/- ***Trương Thị Hương***
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông ***Lê Khắc Hải***, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Giá Rai.

Ngày 28 tháng 12 năm 2010, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2010/ TLST – DS ngày 18 tháng 12 năm 2010 về tranh chấp " hợp đồng mua bán" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2010/ QĐST – DS ngày 06 tháng 12 năm 2010 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ***Huỳnh Thanh Thảo*** Sinh năm 1981
- Địa chỉ: ấp A – TT Hòa Bình – Hòa Bình - Bạc Liêu
- Bị đơn: Bà ***Diệp Ngọc Bích*** Sinh năm
- Địa chỉ: Ấp 2 – Phong Thạnh Đông A – Giá Rai - Bạc Liêu

(Nguyên đơn có mặt, Bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa)

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai anh Huỳnh Thanh Thảo trình bày vào ngày 23/12/2009 anh Thảo đem tôm xuống bán cho chị Diệp Ngọc Bích với số lượng 275,3kg tôm sú với số tiền là 45.000.000đ, đến ngày 25/12/2009 anh Huỳnh Thanh Thảo đem tôm bán tiếp cho chị Diệp Ngọc Bích 327kg tôm sú với số tiền là 54.000.000đ, tổng hai lần anh Huỳnh Thanh Thảo bán cho chị Diệp Ngọc Bích 602,3kg tôm sú, với số tiền 99.000.000đ, qua hai lần bán tôm cho chị Bích mới trả cho anh Thảo được 24.000.000đ, còn lại 75.000.000đ, chị Bích hẹn 2 ngày sau sẽ trả tiền cho anh, nhưng đến hẹn anh gặp chị Bích yêu cầu thanh toán tiền thì chị Bích cứ hẹn lần hẹn lựa đến ngày 10/01/2010 chị Bích trả cho anh thêm được 5.000.000đ, tổng cộng chị Bích đã trả cho anh được 29.000.000đ, số còn lại 70.000.000đ từ đó đến nay Chị Bích không thanh toán cho anh, dù anh đã nhiều lần gặp chị Bích yêu cầu thanh toán nợ. Nay anh Thảo yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Diệp Ngọc Bích phải thanh toán cho anh số tiền mua tôm còn thiếu là 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*) yêu cầu thanh toán một lần yêu cầu tính lãi theo quy định của nhà nước từ ngày 10/01/2010 đến nay và ở giai đoạn thi hành án.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa HĐXX nhận định: ngày 23/12/2009 anh Thảo đem tôm xuống bán cho chị Bích 275,3kg, ngày 25/12/2009 anh Thảo đem tôn bán cho chị Bích 327kg, tổng hai lần anh Thảo bán cho chi Bích 602,3kg tôm sú, với số tiền 99.000.000đ, chị Bích mới trả cho anh Thảo được 29.000.000đ, còn lại 70.000.000đ, từ đó đến nay chị Bích không thanh toán cho anh, dù anh đã nhiều lần gặp chị Bích yêu cầu thanh toán nợ. HĐXX xét thấy lời trình bày của anh Thảo là có đủ cơ sở để chấp nhận, dù trong quá trình xây dựng hồ sơ không làm việc được với chị Bích, nhưng trong hồ sơ do anh Thảo cung cấp là có biên nhận mua bán tôm của chị Bích thể hiện việc mua bán giữa anh Thảo và chị Bích, nên cần buộc chị Bích phải có nghĩa vụ trả nợ anh Thảo số tiền 70.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 10/01/2010 đến nay là 12 tháng 18

ngày lãi xuất do ngân hàng nhà nước quy định tại thời điểm xét xử là 10%/năm.x 150 lần (70.000.000đ x 1.250%/tháng x 12 tháng 18 ngày = 16.275.000đ)

Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng chị Diệp Ngọc Bích vẫn không có mặt theo giấy triệu tập, vào ngày 08/04/2010 BDN ấp 2 – Phong Thạnh Đông A – Giá Rai - Bạc Liêu xác nhận chị Diệp Ngọc Bích không có mặt ở địa phương, đã bỏ địa phương đi nơi khác làm ăn, vào ngày 05/08/2010 Tòa án căn cứ điều 331 bộ luật tố tụng dân sự thông báo tìm người vắng mặt tại nơi cư trú trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật, nhưng chị Bích vẫn không có mặt để làm việc, Tòa án cũng đã làm thủ tục niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại địa phương nơi chị Bích cư trú, Tòa án quyết định xử vắng mặt chị Bích theo quy định của pháp luật.

khoản chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (Báo nhân dân ; đài tiếng nói Việt Nam) tại TP Cần thơ với số tiền 2.700.000đ, chị Diệp Ngọc Bích có nghĩa vụ hoàn lại cho anh Huỳnh Thanh Thảo.

Án phí bà Diệp Ngọc Bích phải nộp 4.313.000đ, tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Gía Rai. Anh Huỳnh Thanh Thảo không phải nộp án phí, Số tiền tạm ứng án phí 1.800.000đ lai thu số 002761 ngày 18 tháng 03 năm 2010, sẽ được hoàn lại đủ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 điều 25 BLTTDS và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vận dụng điều 290 BLDS

1/ Tuyên xử : chấp nhận đơn khởi kiện của anh Huỳnh Thanh Thảo kiên bà Diệp Ngọc Bích đòi số tiền 70.000.000đ, và tiền lãi theo quy định của nhà nước về hợp đồng mua bán tôm sú thịt.

2/ Buộc bà Diệp Ngọc Bích có nghĩa vụ thanh toán nợ cho anh Huỳnh Thanh Thảo : 70.000.000đ tiền vốn và 8.820.000đ tiền lãi.

3/ khoản chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (Báo nhân dân ; đài tiếng nói Việt Nam) tại TP Cần thơ với số tiền 2.700.000đ, chị Diệp Ngọc Bích có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh Huỳnh Thanh Thảo.

4/. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Diệp Ngọc Bích phải nộp 4.313.000đ tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Gía Rai. Anh Huỳnh Thanh Thảo không phải nộp án phí, Số tiền tạm ứng án phí 1.800.000đ lai thu số 002761 ngày 18 tháng 03 năm 2010, được hoàn lại đủ tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Giá Rai.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoã thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

HỘI THẨM **CHỦ TOẠ** **HỘI THẨM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

Bản án số: 43/ DSST
Ngày: 20/12/2010
Thụ lý số:103/DSST
Ngày: 11/11/2010
Tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÍA RAI
VỚI HỘI ĐỒNG XÉT XỬ GỒM CÓ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông ***Nguyễn Văn Tài***
Các hội thẩm nhân dân:
1/- ***Thạch Vủ***
2/- ***Trương Thị Hương***

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông ***Lê Khắc Hải,*** Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Giá Rai.

Ngày 20 tháng 12 năm 2010, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2010/ TLST – DS ngày 11 tháng 11 năm 2010 về tranh chấp " hợp đồng mua bán" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2010/ QĐST – DS ngày 02 tháng 12 năm 2010 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ***Trần Tiến Sỹ*** Sinh năm 1953
Nguyễn Văn Cường Sinh năm 1972
Cùng địa chỉ: ấp 9 – Phong Thạnh Đông – Giá Rai - Bạc Liêu
- Bị đơn: Ông ***Ngô Chí Dũng*** Sinh năm 1960
- Địa chỉ: Ấp 2 – TT Giá Rai – Giá Rai - Bạc Liêu
(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ông Trần Tiến Sỹ và anh Nguyễn Văn Cường trình bày: vào ngày 24/08/2010, hai ông có hợp đồng mua bán với ông Ngô Chí Dũng phó giám đốc công ty Minh Hiếu địa chỉ ấp 2 thị trấn Giá Rai 16 cây xanh giá mỗi cây 2.000.000đ, tổng số 16 cây bằng 32.000.000đ, loại cây và chất lượng đúng theo quy cách hai bên đã thỏa thuận, sau khi ký hợp đồng, ông Sỹ và anh Cường đã nhận 8.000.000đ tiền đặt cọc của ông Dũng, sau khi ký hợp đồng khoảng 10 ngày ông Sỹ và anh Cường giao cây xanh cho ông Dũng số lượng là 8 cây, ông Dũng là người trực tiếp nhận, khi nhận ông Dũng không có ý kiến gì, việc giao nhận không làm giấy tờ, sau thời gian khoảng 8 ngày kể từ lần giao trước ông Sỹ và anh Cường giao cây cho ông Dũng lần thứ hai với số lương 8 cây là đủ số lượng theo hợp đồng hai bên đã ký kết, ông Dũng cũng là người trực tiếp nhận cây do ông Sỹ và anh Cường giao, khi giao cây lần 2 ông Sỹ và anh Cường nhận của ông Dũng thêm 12.000.000đ tổng cộng ông Sỹ và anh Cường đã nhận của ông Dũng là 20.000.000đ, số còn lại 12.000.000đ hai bên thỏa thuận sau khi trồng cây vào chậu được 45 ngày nếu cây không chết thì ông Dũng sẽ trả cho ông Sỹ và anh Cường đủ, nhưng khi đủ 45 ngày kể từ ngày đưa cây vào chậu ông Sỹ và anh Cường xuống nhận tiền thì ông Dũng không trả tiền mà cho rằng cây của ông Sỹ và anh Cường không đúng chất lượng theo thoả thuận, nên đã tự ý di dời cây đi nơi khác.

Nay ông Trần Tiến Sỹ và anh Nguyễn Văn Cường yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ngô Chí Dũng phải trả cho hai ông số tiền còn lại 12.000.000đ theo hợp đồng đã ký kết.

Ông Ngô Chí Dũng trình bày: ông Dũng có đại diện công ty TNHH Minh Hiếu ký hợp đồng kinh tế không số ngày 24/08/2010 đối với ông Trần Tiến Sỹ và anh Nguyễn Văn Cường mua 16 cây xanh với giá 2.000.000đ/cây bằng 32.000.000đ, trong hợp đồng không thể hiện rõ quy cách cây, nhưng quy cách cây hai bên thể hiện bằng miệng là theo hàng cây trước khu hành chính Huyện Giá Rai, cao từ 2,3m trở lên, đường kính cây chính phải từ 40cm trở lên, cây phải có hình dáng như các cây trước khu hành chính Huyện Gía Rai, đến khi giao cây ông Sỹ và anh Cường giao cây không đúng theo quy cách mà hai bên đã thỏa thuận nên ông không nhận, ông Dũng đã cho di dời số cây mà ông Sỹ và anh Cường giao đi nơi khác, hiện ông đang nhờ người khác chăm sóc.

Nay ông Ngô chí Dũng yêu cầu hủy hợp đồng mua bán giữa ông và ông Trần Tiến Sỹ, anh Nguyễn Văn Cường, yêu cầu ông Sỹ và anh Cường trả lại ông 20.000.000đ, yêu cầu tính lãi xuất theo quy định của nhà nước từ khi giao dịch đến nay. Và khoản chi phí di dời, tiền mướn người chăm sóc.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa HĐXX nhận định: vào ngày 24/08/2010, ông Trần Tiến Sỹ và anh Nguyễn Văn Cường có bán cho ông Ngô Chí Dũng phó giám đốc công ty Minh Hiếu địa chỉ ấp 2 thị trấn Giá Rai 16 cây xanh giá mỗi cây 2.000.000đ, tổng số 16 cây bằng 32.000.000đ, là có xảy ra trên thực tế, loại cây và chất lượng hai bên tự thỏa thuận, sau khi ký hợp đồng, ông Sỹ và anh Cường đã nhận 8.000.000đ tiền đặt cọc của ông Dũng, sau khi ký hợp đồng khoảng 10 ngày ông Sỹ và anh Cường giao cây xanh cho ông Dũng, ông Dũng là người trực tiếp nhận, khi nhận ông Dũng không có ý kiến gì, việc giao nhận không làm giấy tờ, giao cây lần 2 ông Dũng cũng là người trực tiếp nhận cây do ông Sỹ và anh Cường giao, sau khi giao ông Sỹ và anh Cường nhận của ông Dũng thêm 12.000.000đ tổng cộng là 20.000.000đ, số còn lại 12.000.000đ hai bên thỏa thuận sau khi trồng vào chậu được 45 ngày nếu cây không chết thì ông Dũng sẽ trả cho ông Sỹ và anh Cường đủ, nhưng khi đủ 45 ngày kể từ ngày đưa cây vào chậu ông Sỹ và anh Cường xuống nhận tiền thì ông Dũng không trả tiền mà cho rằng cây của ông Sỹ và anh Cường không đúng chất lượng theo thoả thuận, nên ông Dũng không trả tiền, và đã tự ý di dời cây đi nơi khác. HĐXX xét thấy căn cứ vào hợp đồng mà các bên đã ký kết có trong hồ sơ vụ kiện và lời trình bà của ông Sỹ, anh Cường có đầy đủ cơ sở để HĐXX chấp nhận bởi lẽ khi ông Sỹ và anh Cường giao cây cho ông Dũng lần đầu nếu cây không đủ quy cách theo thoả thuận giữa hai bên thì tại sao ông Dũng không từ chối nhận và cũng không có ý kiến gì, đến khi giao cây lần hai ông Dũng cũng không có ý kiến gì về chất lượng của cây, nếu ông Dũng cho rằng cây không đủ chất lượng thì tại sao ông Dũng lại giao thêm 12.000.000đ cho ông Sỹ và anh Cường nhận, việc ông Dũng giao thêm 12.000.000đ sau khi nhận cây lần 2 đã chứng minh rằng ông Dũng đã chấp nhận số cây mà ông Dũng và anh Cường giao. từ những cơ sở nêu trên buộc ông Ngô Chí Dũng phải có nghĩa vụ trả ông Trần Tiến Sỹ và anh Nguyễn Văn Cường 12.000.000đ

Xét lời trình bày của ông Ngô Chí Dũng ông Dũng cho rằng vào ngày 24/08/2010 ông Dũng có mua của ông Trần Tiến Sỹ và anh Nguyễn Văn Cường mua 16 cây xanh với giá 2.000.000đ/cây bằng 32.000.000đ, trong hợp đồng không thể hiện rõ quy cách cây, nhưng quy cách cây hai bên thể hiện bằng miệng là theo hàng cây trước khu hành chính Huyện Giá Rai, cao từ 2,3m trở lên, đường kính cây chính phải từ 40cm trở lên, cây phải có hình dáng như các

cây trước khu hành chính Huyện Gía Rai, đến khi giao cây ông Sỹ và anh Cường giao cây không đúng theo quy cách mà hai bên đã thỏa thuận nên ông không nhận, ông Dũng đã cho di dời số cây mà ông Sỹ và anh Cường giao đi nơi khác, hiện ông đang nhờ người khác chăm sóc, ông yêu cầu huỷ hợp đồng, và yêu cầu ông Sỹ và anh Cường bồi thường các khoản chi phí khác, HĐXX xét thấy lời nại ra của ông Ngô Chí Dũng là không có cơ sở để HĐXX chấp nhận bởi lẽ nếu ông cho rằng ông Sỹ và anh Cường giao cây cho ông không đúng quy cách, tại sao giao cây lần thứ nhất ông không từ chối nhận, mà ông vẫn để cho ông Sỹ và anh Cường đưa cây vào chậu, đến giao cây lần 2 ông vẫn để cho ông Sỹ và anh Cường đưa cây vào chậu, điểm đáng chú ý hơn cả là ông cho rằng ông Sỹ và anh Cường giao cây không đúng chất lượng, thì tại sao khi anh Cường và ông Sỹ giao cây lần 2 ông lại giao thêm tiền cho ông Sỹ và anh Cường là 12.000.000đ, từ những phân tích nêu trên xét thấy cần buộc ông Ngô Chí Dũng có nghĩa vụ trả ông Trần Tiến Sỹ và anh Nguyễn văn Cường 12.000.000đ.

Án phí ông Ngô Chí Dũng phải nộp 600.000đ, tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Gía Rai. Ông Trần Tiến Sỹ, anh Nguyễn Văn Cường không phải nộp án phí, Số tiền tạm ứng án phí ông Trần Tiến Sỹ dự nộp 200.000đ lai thu số 001779 ngày 11 tháng 11 năm 2010, Số tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Văn Cường dự nộp 200.000đ lai thu số 001780 ngày 11 tháng 11 năm 2010 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai sẽ được hoàn lại đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 điều 25 BLTTDS và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vận dụng điều 290 BLDS

1/ Tuyên xử : chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Tiến Sỹ và anh Nguyễn Văn Cường kiên ông Ngô Chí Dũng đòi số tiền 12.000.000đ, về hợp đồng mua bán cây kiểng.

2/ Buộc ông Ngô Chí Dũng có nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông Trần Tiến Sỹ và anh Nguyễn Văn Cường mỗi người là: 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng chẵn*)

2/. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Ngô Chí Dũng phải nộp 600.000dd tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Gía Rai. Ông Trần Tiến Sỹ, anh Nguyễn Văn Cường không phải nộp án phí, Số tiền tạm ứng án phí ông Trần Tiến Sỹ dự nộp 200.000đ lai thu số 001779 ngày 11 tháng 11 năm 2010, Số tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn văn Cường dự nộp 200.000đ lai thu số 001780 ngày

11 tháng 11 năm 2010 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai sẽ được hoàn lại đủ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoã thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

HỘI THẨM **CHỦ TOẠ** **HỘI THẨM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU
Bản án số:19/ ST- DS
Ngày : 24/08/2010

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÍA RAI

Thụ lý số :172/DSST
Ngày : 10/11/2009
Tranh chấp QSD đất

- *Thẩm Phán Chủ tọa phiên tòa* : ***Nguyễn Thị Ngoan***
- Hội thẩm nhân dân :

1/ Bà : ***Trương Thị Hương***

2/ Ông : ***Mai Hòang Phương***

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên Tòa: ***Lê Yến Ngọc***

Ngày 24/08/2010 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số :172/2009/TLST – DS ngày 10/11/2009 về việc " tranh chấp QSD đất " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 23/2010/QĐXX – ST ngày 09/08/2010 giữa các đương sự :

* Nguyên đơn: ***Đào Thị Ánh*** Sn 1949

Địa chỉ: ấp 13 - Phong Thạnh Đông A - Gía Rai - Bạc Liêu

* Bị đơn: ***Lâm Văn Cảnh*** SN 1966

Địa chỉ: ấp 13 - Phong Thạnh Đông A - Gía Rai - Bạc Liêu

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Huyện Gía Rai

Địa chỉ: ấp 1 Thị Trấn Hộ Phong Huyện Gía Rai, Tỉnh Bạc Liêu

Do ông: ***Nguyễn Hữu Thụy*** chức vụ Phó giám đốc đại diện

Nguyên đơn, bị đơn, người có liên quan có mặt tại phiên Tòa.

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện và bản ghi lời khai bà Đào Thị Ánh trình bày nguồn gốc đất bà đang sử dụng, tranh chấp với ông Lâm Văn Cảnh là bà mua của ông Lê Văn Hơn vào năm 1989, diện tích là 5 công tầm cấy, đến ngày 17/10/1995 bà được cấp QSD đất diện tích 6.650m^2 tại thửa 20, tờ bản đồ số 11, bà Ánh canh tác ổn định đến năm 2007 bà Ánh phát hiện ông Cảnh lấn chiếm phần đất của ba Ánh giáp ranh với ông Cảnh, bà Ánh làm đơn khởi kiện đến ấp xã hòa giải không xong, chuyển về Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, và diện tích tranh chấp theo đo đạt thực tế là 34,30m^2, tại phiên Tòa

ngày hôm nay bà Ánh yêu cầu ông Cảnh phải trả lại QSD đất cho bà Ánh là 34,30m^2 mà ông Cảnh đã lấn chiếm.

Về phía ông Lâm Văn Cảnh trình bày : nguồn gốc đất ông đang sử dụng, ông mua lại của Lê Văn Xế vào năm 1991diện tích 03 công tầm cấy, đến năm 1993 ông được cấp QSD đất, tờ bản đồ số 11, thửa 199, diện tích 4.020m^2 ông Cảnh canh tác sử dụng cho đến năm 2007 thì xảy ra tranh chấp với bà Đào Thị Ánh về phần giáp ranh đất với bà Ánh theo đo đạt thực tế là 34,30m^2, bà Ánh cho rằng ông Cảnh rong bờ đã lấn chiếm phần đất bà Ánh diện tích 34,30m^2, bản thân ông Lâm Văn Cảnh xác định. Diện tích đất ông Cảnh đang sử dụng hiện ông Cảnh đứng tên QSD đất, diện tích 4.020m^2 ông Cảnh là người chủ sở hữu đất, tại phiên Tòa ngày hôm nay ông Cảnh xác định ông Cảnh không có lấn ranh đất của bà Ánh diện tích 34,30m^2 theo yêu cầu của bà Ánh, anh Lâm Văn Cảnh có yêu cầu phản tố ông Cảnh cho rằng bà Đào Thị Ánh lấn chiếm đất của ông 34,30m^2

Về phía Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn chi nhánh Huyện Gía Rai do ông Nguyễn Hữu Thụy đại diện xác định vào ngày 04/03/2010 vợ chồng ông Lâm Văn Cảnh và bà Trương Thị Trinh có vay tiền Ngân hàng là 30.000.000đ, thời hạn trả tiền là ngày 24/01/2011, về phía Ngân hàng xác định nếu sự việc tranh chấp giữa ông Cảnh và bà Ánh làm thay đổi QSD đất, hoặc làm giảm QSD đất của ông Cảnh, thi Ngân hàng yêu cầu ông Cảnh, bà Trinh phải thanh tóan trả nợ vốn, và lãi trước thời hạn. Còn nếu diện tích ông Cảnh thế chấp QSD đất cho Ngân không bị thay đổi, thì Ngân hàng đồng ý để cho vợ chồng ông Cảnh thanh tóan nợ theo hợp đồng khi hết hạn vào ngày 24/01/2011.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, và căn cứ vào kết qủa tranh luận tại phiên Tòa HĐXX nhận định : xét về đơn yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Ánh kiện ông Lâm Văn Cảnh đã lấn chiếm phần đất giáp ranh giữa bà Ánh và ông Cảnh diện tích là 34.30m^2 là một yêu cầu không có căn cứ pháp luật, bởi lẽ tại phiên Tòa ngày hôm nay bà Ánh không có căn cứ gì để chứng minh rằng ông Lâm Văn Cảnh đã lấn chiếm phần đất của bà Ánh có diện tích là 34,30m^2 như bà Ánh đã khai báo tại phiên Tòa ngày hôm nay, mặt khác phần diện tích đất của bà Ánh theo giấy chứng nhận QSD đất tại thửa đang xảy ra

tranh chấp thửa số 200 tờ bản đồ số 11 có diện tích là 6.650m^2, chưa tách cho Ngô Công Khanh 1.530m^2 nhưng trên kết qủa khảo sát đo đạc thực tế đề ngày 02/06/2010, thì diện tích đo đạt thực tế đất của bà Ánh là 6.089m^2 (đã trừ 1.530m^2 chuyển nhượng cho Ngô Công Khanh) hơn theo giấy chứng nhận QSD đất mà bà Đào Thị Ánh được cấp là 969m^2, điều đó đã chứng minh được rằng diện tích đất của bà Ánh nó không bị giảm, và không bị lấn chiếm đất như bà Ánh đã khai.

Xét về lời trình bày của ông Lâm Văn Cảnh, tại biên bản ghi lời khai và đơn phản tố ông Cảnh cho rằng bà Đào Thị Ánh lấn đã lấn chiếm phần đất giáp ranh giữa bà Ánh và ông Cảnh diện tích là 34.30m^2 là một yêu cầu không có căn cứ pháp luật, bởi lẽ tại phiên Tòa ngày hôm nay ông Cảnh không có căn cứ gì để chứng minh rằng bà Đào Thị Ánh đã lấn chiếm phần đất của ông có diện tích là 34,30m^2 như ông Cảnh đã khai báo trong hồ sơ và tại phiên Tòa ngày hôm nay, mặt khác phần diện tích đất của ông Cảnh theo giấy chứng nhận QSD đất tại thửa đang xảy ra tranh chấp thửa số 199 tờ bản đồ số 11 có diện tích là 4.020m^2, nhưng trên kết qủa khảo sát đo đạc thực tế đề ngày 02/06/2010, thì diện tích đo đạt thực tế đất của ông Cảnh là 4.433m^2 hơn theo giấy chứng nhận QSD đất mà ông Lâm Văn Cảnh được cấp là 413m^2, điều đó nó chứng minh được rằng diện tích đất của ông Cảnh nó không bị giảm, và không bị lấn chiếm đất như ông Cảnh đã khai, và theo xác định của cơ quan Tài nguyên và môi trường diện tích đất tranh chấp quá nhỏ, cơ quan chuyên môn không xác định được phần diện tích tranh chấp 34,30m^2 nằm trong quyền sử dụng đất của ai. Từ những căn cứ phân tích đã nêu trên HĐXX xét thấy không thể thỏa mãn yêu cầu của bà Đào Thị Ánh kiện ông Lâm Văn Cảnh để đòi lại QSD đất diện tích 34,30m^2 như bà Ánh đã khởi kiện ông Cảnh phần diện tích đất 34,30m^2 tọa lạc tại ấp 13 xã Phong Thạnh Đông A Huyện Gía Rai, và bác đơn phản tố của ông Lâm Văn Cảnh kiện bà Đào Thị Ánh đời diện tích đất 34,30m^2 được định vị như sau :

Hướng Đông giáp Lâm Văn Cảnh có cạnh 83,45m

Hướng Tây Đào Thị Ánh có cạnh 82,65m

Hướng Nam có cạnh 0m

Hướng Bắc Hùynh Thị Kiểm có cạnh 1,15m

Xét về phần nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Huyện Gía Rai số tiền 30.000.000đ, tại phiên Tòa ngày hôm nay ông Lâm Văn Cảnh thừa nhận có vay của Ngân hàng số tiền nói trên, và thời hạn thanh tóan nợ cho ngân hàng là vào ngày 24/01/2011, tại phiên Tòa ngày

hôm nay đại diện Ngân hàng yêu cầu nếu việc tranh chấp QSD đất giữa bà Ánh và ông Cảnh không làm thay đổi diện tích đất đã thế chấp cho Ngân hàng, thì phía Ngân hàng đồng ý cho ông Cảnh thanh tóan nợ theo thời hạn hợp đồng đã ký kết, thời hạn ông Cảnh trả nợ gốc là ngày 24/01/2011. trên cơ sở ý kiến của Ngân hàng đã trình bày, xét thấy cần ghi nhận ý kiến của Ngân hàng để cho ông Cảnh tiếp tục thực hiện hợp đồng vay nợ theo thỏa thuận với Ngân hàng, thời hạn thanh tóan nợ là vào ngày 24/01/2011. Do đó xét thấy không cần đề cập phần nợ Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn chi nhánh Huyện Gía Rai đối với ông Lâm Văn Cảnh, vì nó không làm thay đổi hay phát sinh quyền và lợi ích của các bên.

Về tiền khảo sát đo đạt định giá đất bà Đào Thị Ánh đã dự nộp số tiền 600.000đ đã chi phí hết không được hòan lại.

Về án phí DS ST bà Đào Thị Ánh phải nộp số tiền 300.000đ bà Ánh đã dự nộp 300.000đ lai thu số 002666 ngày 10/11/2009 sẽ được đối trừ ở giai đoan thi hành án. ông Lâm Văn Cảnh phải nộp 200.000đ, ông Cảnh đã dự nộp 200.000đ ngày 03/12/2009 lai thu số 002689 sẽ được đối trừ ở giai đoan thi hành án.

Bởi các lẽ trên

Áp dụng khỏan 7 điều 25 BLTTDS và pháp lệnh số 10/2009 ngày 27/02/2009của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí

Vận dụng khỏan 1 điều 136 luật đất đai

QUYẾT ĐỊNH

1/ Tuyên xử : không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đào Thị Ánh kiện ông Lâm Văn Cảnh về việc tranh chấp QSD đất diện tích 34,30m^2, tọa lạc tại ấp 13 xã Phong Thạnh Đông A Huyện Gía Rai, Tỉnh Bạc Liêu. được định vị như sau :

Hướng Đông giáp Lâm Văn Cảnh có cạnh 83,45m

Hướng Tây Đào Thị Ánh có cạnh 82,65m

Hướng Nam có cạnh 0m

Hướng Bắc Hùynh Thị Kiểm có cạnh 1,15m

giữ nguyên hiện trạng đất của bà Đào Thị Ánh có diện tích theo số đo thực tế như sau.

Hướng Đông giáp Lâm Văn Cảnh có cạnh 82,65m

Hướng Tây giáp kinh sáng có cạnh 23,3m

Hướng Nam Ngô Công Khanh có cạnh 53,50 + 91,85 m

Hướng Bắc Hùynh Thị Kiểm có cạnh 60 + 116,60 + 1 m

Tổng diện tích là : 6.089m^2 tại thửa 199, tờ bản đồ số 11, nằm trong giấy chứng nhận QSD đất của bà Đào Thị Ánh

Không chấp nhận đơn phản tố của ông Lâm Văn Cảnh kiện bà Đào Thị Ánh về việc tranh chấp QSD đất diện tích 34,30m^2, tọa lạc tại ấp 13 xã Phong Thạnh Đông A Huyện Gía Rai, Tỉnh Bạc Liêu được định vị như sau :

Hướng Đông giáp Lâm Văn Cảnh có cạnh 83,45m

Hướng Tây Đào Thị Ánh có cạnh 82,65m

Hướng Nam có cạnh 0m

Hướng Bắc Hùynh Thị Kiểm có cạnh 1,15m

giữ nguyên hiện trạng đất của ông Lâm Văn Cảnh có diện tích theo số đo thực tế như sau

Hướng Đông giáp ông Sơn + ông Khái có cạnh 141,35m

Hướng Tây giáp Đào Thị Ánh có cạnh 33,95 + 82,65m

Hướng Nam Ngô Công Khanh có cạnh 27,45 m

Hướng Bắc Hùynh Thị Kiểm có cạnh 41,8 + 0,5 m

Tổng diện tích : 4.453m^2 thửa số 200 tờ bản đồ số 11, năm trong giấy chứng nhận QSD đất của ông Lâm Văn Cảnh.

Về tiền khảo sát đo đạt định giá đất bà Đào Thị Ánh phải nộp 600.000đ đã chi phí hết không được hòan lại

Về án phí DS ST bà Đào Thị Ánh phải nộp số tiền 300.000đ bà Ánh đã dự nộp 300.000đ ngày 10/11/2009 lai thu số 002666 sẽ được đối trừ ở giai đoan thi hành án. Ông Lâm Căn Cảnh phải nộp 200.000đ, ông Cảnh đã dự nộp 200.000đ ngày 03/12/2009 lai thu số 002689 sẽ được đối trừ tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Gía rai,

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên, bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, và những người tham gia tố tụng khác, báo cho họ biết họ có quyền chống án, kháng nghị trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

HTND **CHỦ TỌA HTND**

TRƯƠNG THỊ HƯƠNG NGUYỄN THỊ NGOAN MAI HOÀNG PHƯƠNG

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

Bản án số : / ST- DS
Ngày : 10/04/2008
Hợp đồng mua basn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÍA RAI
VỚI HỘI ĐỒNG XÉT XỬ GỒM CÓ

- *Thẩm Phán Chủ tọa phiên tòa* : **Bùi Xuân Thu** .
- Hội thẩm nhân dân :

1/ Ông :

2/ Ông :

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên Tòa:

Ngày 10/04/2008 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 24/2007/ TLST – DS ngày 03/04/2007 về việc "Hợp đồng mua bán" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 11/2008/QĐXX – ST ngày 21/03/2008 giữa các đương sự :

* Nguyên đơn ***: Cty dịch vụ VTKT nông nghiệp Bạc Liêu***

- Địa chỉ : 117 – 119 Hòang văn Thụ phường 3 TXBL.Tỉnh Bạc Liêu

Do ông : ***Hòang Văn Nam*** Chức vụ : phó ban đại diện

* Bị đơn : ***Trần Minh Lý*** Sinh năm 1955

Địa chỉ : ấp 18 xã Phong Tân , Huyện Gía rai, Bạc Liêu

(Nguyên, bị đơn có mặt tại phiên Tòa)

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai ông Nam đại diện Cty dịch vụ vật tư nông nghiệp Bạc Liêu trình bày: vào ngày 01/04/2004 Cty dịch vụ vật tư nông nghiệp Bạc Liêu có ký hợp đồng đại lý số : 19/HĐĐL/NN – 04 đối với ông Trần Minh Lý, Tổng giá trị hợp đồng là 876.476.268đ, trong đó có nợ cũ là 268.467.568đ. số dư nợ của hợp đồng là 608.507.700đ. phương thức thanh tóan bằng tiền mặt hoặc chuyển khỏan trong thời gian ghi nợ trên từng hóa đơn nếu:

Qúa hạn từ 1- 30 ngày phải chịu lãi xuất tương đương 1,27%/tháng

Qúa hạn từ 31- 60 ngày phải chịu lãi xuất tương đương 1,65%/tháng

Qúa trên 60 ngày phải chịu lãi xuất tương đương 2,1%/tháng

Đến ngày khởi kiện là ngày 20/12/2006 ông Lý còn nợ công ty tiền hàng 207.346.076đ và tiền lãi là 97.775.903đ tổng cộng cả vốn và lãi là 305.121.979đ. yêu cầu ông Lý thanh tóan số tiền trên đối với công ty, và yêu cầu tính lãi tiếp từ ngày khởi kiện và ở giai đọan thi hành án, theo lãi xuất do Ngân hàng nhà nước quy định.

Ơng Lý trình bày: tôi thừa nhận là có ký hợp đồng đại lý số : 19/HĐĐL/NN – 04 đối với Công ty Dịch vụ vât tư kỹ thuật Bạc Liêu, Tổng giá trị hợp đồng là 876.476.268đ, trong đó có nợ cũ là 268.467.568đ. số dư nợ của hợp đồng là 608.507.700đ.

Nhưng từ ngày 01/04/2004 đến ngày 02/04/2007 tôi đã trả công ty số tiền hàng là: 756.831.808đ trên tổng giá trị hợp đồng, đối trừ số nợ và số đã trả thì tôi chỉ còn nợ Cty số tiền là : 120.413.460đ, tôi thừa nhận số nợ 120.413.460đ đồng ý trả nợ, nhưng vì điều kiện gặp khó khăn không thể trả 1 lần được xin trả làm 03 lần.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết qủa tranh luận tại phiên Tòa, HĐXX nhận định:

Đại diện công ty dịch vụ vật tư kỹ thuận nông nghiệp Bạc Liêu và ông Trần Minh Lý hai bên thống nhất với nhau về ngày tháng giao dich là ngày 01/04/2004, về số hợp đồng, loại hợp đồng, giá trị hợp đồng hai bên cũng đã thống nhất được với nhau cụ thể là :hợp đồng đại lý số : 19/HĐĐL/NN – 04, Tổng giá trị hợp đồng là 876.476.268đ, trong đó có nợ cũ là 268.467.568đ. số dư nợ của hợp đồng là 608.507.700đ.

Nhưng phần nợ thì hai bên không thống nhất được với nhau đại diện công ty vật tư kỹ thuật nông nghiệp Bạc Liêu, ông Hòang Nam yêu cầu ông Lý phải thanh tóan tiền hàng 207.346.076đ và tiền lãi là tính đến ngày 20/12/2006 là :97.775.903đ tổng cộng cả vốn và lãi là 305.121.979đ. và lãi phát sinh, cũng như lãi ở giai đọan thi hành án.

Ong Lý cho rằng ông chỉ còn nợ Công ty dịch vụ vật tư kỹ thuật Nông nghiệp Bạc liêu số tiền hàng là 120.413.460đ ông không đồng ý theo yêu cầu của đại diện Công Ty vì ông trả tiền hàng cho công ty là ông trả hàng tuần, và chính cán bộ công ty xuống trực tiếp nhà ông thu và mỗi lẫn thu cán bộ công ty đều tự ghi nhận vào sổ của ông. Có sổ biên nhận kèm theo, qua xem xét thực tế sổ sách mà ông Lý cung cấp thị lời trình bày của ông Lý là phù hợp, bởi vì những con số và chữ ký trong sổ do ông Lý cung cấp đại diện công ty ông Nam thừa nhận đó chính là chữ ký cán bộ của công ty ông, còn về phần lãi ông Nam đại diện công ty cho rằng ông Lý vi phạm hợp đồng yêu cầu tính lãi từ ngày 01/04/2004 đến khi xét xử và lãi ở giai đọan thi hành án là không có căn cứ, bởi vì theo hợp đồng đã ký kết giữa hai bên vào ngày 01/04/2004 và sổ nhận tiền của nhân viên công ty đối với ông lý cũng bắt đầu vào ngày 01/04/2004, mà cho rằng ông Lý vi phạm hợp đồng là không phù hợp và hợp đồng ký kết giữa hai bên đến mãi ngày 08/04/2005 mới được thanh lý, và trong biên bản thanh lý hợp đồng cũng không thể hiện ông Lý đã vi phạm hợp đồng, vẫn đương nhiên công nhận phần nợ ông Lý đã trả, và hợp đồng cũng không có phần phụ lục cho ông Lý thanh tóan tiền hàng ngày nhưng công ty vẫn đi thu tiền hàng ngày từ khi hợp đồng bắt đầu ký kết đến khi Tòa án thụ lý vụ kiện, có nghĩa là hai bên mặc nhiên đã có phụ lục hợp đồng mà khi phát sinh tranh chấp lại đòi tiền lãi từ khi giao dịch là không phù hợp nên không được chấp nhận.

Từ những căn cứ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điều Bộ luật dân sự nước CHXHCNVN, nghị định 70 của chính phủ quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử : chấp nhận một phần đơn khởi kiện của Cty dịch vụ vật tư kỹ thuật nông nghiệp Bạc Liêu do ông Hòang Văn Nam, Phó ban – đại diện đối với bị đơn ông Trần Minh Lý.

Buộc ông Trần Minh Lý phải có nghĩa vụ trả Công ty Dịch vụ Vật tư kỹ thuật nông nghiệp Bạc Liêu số tiền là :120.413.460đ khi án có hiệu lực pháp luật.

Áp dụng khỏan 3 phần 1 thông tư liên tịch số 01 ngày 19/06/1997 trong giai đoạn thi hành án.

Buộc bên có nghĩa vụ về tài sản phải thanh tóan số tiền thực tế đã vay cùng với số tiền lãi kể từ khi giao dịch đến khi thi hành án xong theo mức lãi xuất tương ứng do Ngân hàng nhà nước quy định.

Án phí DS ST Cty dịch vụ vật tư kỹ thuật nông nghiệp Bạc Liêu phải nộp 3.057.664đ, Cty đã dự nộp 6.068.000đ theo lai thu số : 003929 ngày 03/04/2007 được khấu trừ 3.057.664đ, Cty còn được nhận lại 3.010.336đ tại Cơ quan thi hành án dân sự Huyện Gía rai. Ông Trần Minh Lý phải nộp án phí

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

TM- HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa

Nơi nhận :
Tòa án Tỉnh
VKS cùng cấp
Thi hành án
Đương sự
Lưu Hồ sơ

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU

Bản án số :34/ ST- DS
Ngày : 16/11 /2009
Thụ lý số : 104/2009
Ngày : 31/08/2009
Tranh chấp QSD đất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÍA RAI

VỚI HỘI ĐỒNG XÉT XỬ GỒM CÓ

- *Thẩm Phán Chủ tọa phiên tòa* : ***Bà Nguyễn Thị Ngoan***
- Hội thẩm nhân dân :

1/- Bà : ***Cao Thị Mỹ Phượng***

2/- Bà : ***Trương Thị Hương***

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên Tòa: ***Lê Khắc Hải***

Ngày 16/11/2009 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2009/TLST – DS ngày 31/08/2009 về việc "tranh chấp QSD đất" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2009/QĐXX – ST ngày 20/ 09/2009 giữa các đương sự :

* Nguyên đơn: ***Lê Văn Luận*** Sinh năm 1956

- Địa chỉ : ấp 19 – Phong Tân – Gía Rai – Bạc Liêu

* Bị đơn : ***Lê Văn Cuộc*** Sinh năm 1958

- Địa chỉ : ấp 5 – Phong Tân – Gía Rai - Tỉnh Bạc

* Người có quyền và nghĩa vụ liên quan :

Ông Lê Văn Chính (Lê Văn Sùng) SN 1930

Địa chỉ : ấp 19 - Phong Tân – Gía Rai – Bạc Liêu

(Nguyên đơn, bị đơn, Người có liên quan có mặt tại phiên toà)

NHÂN THẤY

Theo đơn và lời trình bày của ông Lê Văn Luận nguồn gốc đất hiện đang tranh chấp là của cha mẹ ông để lại cho vợ chồng ông từ năm 1979 đến nay, phần đất này do ông đứng tên giấy chứng nhận QSD đất. diện tích theo giấy chứng nhận là 17.020m^2 tờ bản đồ số 12 thửa 0035. toạ lạc tại ấp 19 xã Phong Tân Giá Rai – Bạc Liêu. Ông được cấp theo quyết định số 285/QĐ – UB ngày 26/08/1995 của UBND Huyện Giá Rai.

Diện tích tranh chấp ngang 9m dài 19,4m

Hướng Đông giáp Lê Văn Cuộc

Hướng Tây giáp Lê Văn Luận

Hướng Nam giáp Lê Văn Luận

Hướng bắc giáp Lê Văn Luận

Phần đất này là 01 cái ao từ xưa đến nay, vào thời điểm năm 2007 ông lấp cái ao để trồng lúa, khi ông lấp cái ao thì ông Cuộc ra ngăn cản không cho ông sang lấp, nên phát sinh tranh chấp , nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết bảo vệ quyền lợi cho ông, hiện nay ông không sử dụng được phần đất này, mà ông đã được nhà nước cấp QSD đất, và ông trực tiếp canh tác từ đó đến nay.

ông Lê Văn Cuộc trình bày : ông và ông Lê Văn Luận là anh em ruột cùng cha cùng mẹ, hiện nay cha mẹ ông vẫn còn sống tại ấp 19 xã Phong Tân, Huyện Gía rai, Bạc Liêu, nguồn gốc đất hiện ông và ông Luận đang tranh chấp là cha mẹ ông cho ông vào năm 1982, diện tích tranh chấp ngang

9,4m dài 17,4m, là một cái ao, ông sử dụng vào mục đích nuôi cá, ông trực tiếp sử dụng từ đó đến nay, và trên đất ông có trồng 02 bụi tre, 08 bụi bình bát, 01 bụi chuối nhưng ông chưa được cấp QSD đất, đến năm 2007 cha con ông Luận ra lấp cái ao nên xảy ra tranh chấp, phần đất tranh chấp được định vị như sau.

Hướng Đông giáp Lê Văn Cuộc

Hướng Tây giáp Lê Văn Luận

Hướng Nam giáp Lê Văn Luận

Hướng Bắc giáp Lê Văn Luận

Ông Cuộc yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Luận trả lại phần đất trên cho ông, vì phần đất này ông đã được cha mẹ ông cho từ năm 1982 đến nay.

Ông Lê văn Chính (Lê Văn Sùng)trình bày Lê Văn Luận và lê Văn Cuộc đều là con trai của ông, Luận là con trai lớn khi ra riêng ông cho đất Luận nhiều hơn, khi Cuộc ra riêng ông cho đất Cuộc ít hơn Luận, cái ao Luận và Cuộc hiện đang tranh chấp là ông cho Cuộc, chứ không phải cho Luận, ông đã giải quyết nhiều lần ở gia đình, nhưng không giải quyết được, đành bất lực với con, nay ông yêu cầu cơ quan chức năng giải quyết bảo vệ quyền lợi cho Cuộc, vì phần đất này Cuộc xử dụng từ khi ông cho đến nay.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên Tòa, và căn cứ vào kết qủa tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định. Xét đơn khởi kiện của ông LêVăn Luận cho răng nguồn gốc đất hiện đang tranh chấp là của cha mẹ ông cho vợ chồng ông từ năm 1979 đến nay, ông đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận QSD đất. Phần đất mà ông Lê Văn Cuộc đang tranh chấp với ông nằm trong tổng diện tích theo giấy chứng nhận là 17.020m^2 tờ bản đồ số 12 thửa 0035. toạ lạc tại ấp 19 xã Phong Tân Giá Rai – Bạc Liêu.

Diện tích tranh chấp ngang 9m dài 19,4m

Hướng Đông giáp Lê Văn Cuộc

Hướng Tây giáp Lê Văn Luận

Hướng Nam giáp Lê Văn Luận

Hướng bắc giáp Lê Văn Luận

Phần đất tranh chấp là 01 cái ao, năm 2007 ông lấp cái ao để trồng lúa, khi ông lấp cái ao thì ông Cuộc ra ngăn cản không cho ông sang lấp, ông Cuộc cho rằng cái ao này là của ông Cuộc, ông Luận yêu cầu Tòa án giải quyết bảo vệ quyền lợi cho ông, vì hiện nay ông không sử dụng được phần đất này, luôn bị ông Cuộc ngan cản

Ông Lê Văn Cuộc trình bày nguồn gốc đất hiện ông và ông Luận đang tranh chấp là cha mẹ ông cho ông vào năm 1982, diện tích tranh chấp ngang 9,4m dài 17,4m, là một cái ao, ông sử dụng vào mục đích nuôi cá, ông trực tiếp sử dụng từ đó đến nay, và trên đất ông có trồng 02 bụi tre, 08 bụi bình bát, 01 bụi chuối nhưng ông chưa được cấp QSD đất, đến năm 2007 cha con ông Luận ra lấp cái ao nên xảy ra tranh chấp, phần đất tranh chấp được định vị như sau.

Hướng Đông giáp Lê Văn Cuộc

Hướng Tây giáp Lê Văn Luận

Hướng Nam giáp Lê Văn Luận

Hướng bắc giáp Lê Văn Luận

Ông Cuộc yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Luận trả lại phần đất trên cho ông, vì phần đất này ông đã được cha mẹ ông cho từ năm 1982 đến nay. ông là người trực tiếp sử dụng vào việc nuôi cá, nuôi vịt, trồng cây như Bạch đàn, tre, bình bát, nhưng ông chưa được cấp QSD đất, vì ông nghĩ đất là của cha mẹ cho, hiện cha mẹ vẫn còn sống, ông và ông Luận lại là anh em ruột, và việc ông Luận được cấp QSD đất cả phần đất tranh chấp hiện ông đang quản lý và sử dụng là ông không hề biết, đến khi tranh chấp xảy ra ông mới biết là phần đất ông đang sử dụng nằm trong QSD của ông Luận. Ông yêu cầu Tòa án xem xét bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho ông.

Ông Lê Văn Chính (Lê Văn Sùng) là cha của ông Lê Văn Luận và Lê Văn Cuộc trình bày ông đã 79 tuổi, nhưng vẫn còn minh mẫn, người nào cũng là con ông, ông tới 09 người con chứ không phải có 02 người, ông không thương người nào nhiều, người nào ít, phần đất hiện Luận và Cuộc đang tranh chấp là ông cho cuộc, chứ không Luận, vì khi ông cho là ông có công bố cho cả nhà biết chứ không phải nói với cá nhận ai, chuyên gia đình ông không từ giải quyết được, nay ông yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền lợi cho Cuộc.

Qua lời trình bày của các bên HĐXX xét thấy nguồn gốc đất hiện đang tranh chấp là của ông Lê Văn Chính (Lê Văn Sùng)cho con trong hồ sơ cùng như tại phiên Tòa ông Chính đều khẳng định rằng phần diện tích đất tranh chấp là cái ao là ông cho ông Cuộc, chứ không cho ông Luận, các anh chị em

của ông Cuộc xác định ông Chính cho ông Cuộc.và thực tế ông Cuộc đã sử dụng cái ao này từ khi được cho đến nay vào mục đích chăn nuôi và trồng cây trên thềm ao, khi ông Cuộc sử dụng ông Luận cũng không có ý kiến gì, mặc dù ông Luận đã có giấy chứng nhận QSD đất, nhưng thực tế thì ông Luận không có sử dụng phần đất nói trên, tại phiên tòa ông Luận trình bày ông muốn cho phần đất thẳng dễ canh tác, không chuột cắn phá nên ông mới ban cái ao trên và diện tích đất này nằm trong QSD đất của ông nên ông không cho ông Cuộc canh tác, lời trình bày của ông là không mang tính thuyết phục. Do vậy HĐXX không có cơ sở để xem xét cho ông.

Bởi các lẽ trên

Áp dụng khỏan 7 điều 25 BLTTDS

Vận dụng các diều 255, 256 BLDS khỏan 1 điều 136 luật đất đai, và nghị định số 70/NĐ – CP ngày 12/06/1997 của chính phủ quy định về án phí và lệ phí

QUYẾT ĐỊNH

1/ Xử không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Văn Luận kiện ông Lê Văn Cuộc về việc tranh chấp QSd đất.

2/ Ông Lê văn Cuộc có quyền yêu cầu cơ quan chức năng điều chỉnh giấy chứng nhận QSD đất cho ông.

Phần chi phí đo đạt ông Luận đã dự nộp 600.000đ, đã chi phí hết không được hòan lại.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Lê Văn Luận phải nộp 248.410đ tại cơ quan thi hành án dân sự Huyện Gía Rai. Ông Luận đã dự nộp 500.000đ ngày 31/08/2009 lai thu số 001329 sẽ được đối trừ ở giai đoan thi hành án.

3/ Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn và những người tham gia tố tụng khác, báo cho họ biết họ có quyền chống án, kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM- HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – chủ tọa

Nơi nhận :
Tòa án Tỉnh
VKS cùng cấp
Thi hành án
Đương sự

BỘ CÔNG AN – VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO – TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO – BỘ TƯ PHÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
--------	**----------**
Số: 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP	*Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2015*

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỂM CỦA THÔNG TƯ LIÊN TỊCH SỐ 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP NGÀY 24/12/2007 CỦA BỘ CÔNG AN, VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO, TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO, BỘ TƯ PHÁP HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG MỘT SỐ QUY ĐỊNH TẠI CHƯƠNG XVIII "CÁC TỘI PHẠM VỀ MA TÚY" CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999

Căn cứ Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

*Căn cứ **Nghị quyết số 96/2015/QH13** ngày 26/6/2015 của Quốc hội khóa XIII về tăng cường các biện pháp phòng, chống oan, sai và bảo đảm bồi thường cho người bị thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự;*

*Bộ trưởng Bộ Công an, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII "Các tội phạm về ma túy" của Bộ luật hình sự năm 1999 (sau đây viết gọn là **Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT),***

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a tiết 1.1 mục 1 Phần I như sau:

"a) Đối với các chất ma túy ở thể rắn được hòa thành dung dịch hoặc chất ma túy ở thể lỏng đã được pha loãng thì không coi toàn bộ dung dịch hoặc dung dịch pha loãng này là chất ma túy ở thể lỏng mà cần xác định hàm lượng chất ma túy trong dung dịch để tính, trọng lượng chất ma túy đó.

Ví dụ: Thuốc phiện, hêrôin được hòa thành dung dịch thì không coi toàn bộ dung dịch này là chất ma túy ở thể lỏng mà cần xác định hàm lượng moócphin cùng với các thành phần khác của thuốc phiện trong dung dịch để tính trọng lượng của thuốc phiện hoặc xác định hàm lượng moócphin cùng với các thành phần khác của hêrôin để tính trọng lượng hêrôin".

2. Sửa đổi, bổ sung tiết 1.4 mục 1 Phần I như sau:

"1.4. Trong mọi trường hợp, khi thu giữ được các chất nghi là chất ma túy hoặc tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy thì đều phải trưng cầu giám định để xác định loại và trọng lượng chất ma túy, tiền chất thu giữ được. Bắt buộc phải trưng cầu giám định hàm lượng đẻ xác định trọng lượng chất ma túy trong các trường hợp sau:

a, Chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất chất ma túy ở thể rắn được hòa thành dung dịch;

b, Chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất chất ma túy ở thể lỏng đã được pha loãng;

c, Xái thuốc phiện;

d, Thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần;

Ngoài các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d tiết 1.4 Mục này, nếu có căn cứ và xét thấy cần thiết, Tòa án trực tiếp trưng cầu giám định để bảo đảm việc xét xử đúng pháp luật.

Nếu chất được giám định không phải là chất ma túy hoặc không phải là tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy, nhưng người thực hiện hành vi phạm tội ý thức rằng chất đó là chất ma túy hoặc chất đó là tiền chất dùng vào

việc sản xuất trái phép chất ma túy, thì tùy hành vi phạm tội cụ thể mà truy cứu trách nhiệm hình sự người đó theo tội danh quy định tại khoản 1 của điều luật tương ứng đối với các tội phạm về ma túy.

Trường hợp một người biết là chất ma túy giả nhưng làm cho người khác tưởng là chất ma túy thật nên mua bán, trao đổi... thì người đó không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm về ma túy mà bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Điều 139 Bộ luật Hình sự, nếu thỏa mãn các dấu hiệu khác nữa trong cấu thành tội phạm của tội này. Trường hợp không thu giữ được vật chứng là chất ma túy, tiền chất nhưng có căn cứ xác định được trọng lượng chất ma túy, tiền chất mà người phạm tội đã mua bán, vận chuyển, tàng trữ hoặc chiếm đoạt thì người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội danh và điều khoản tương ứng."

Điều 2. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với người thực hiện hành vi phạm tội trước ngày Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành, nếu các hướng dẫn trong Thông tư liên tịch này làm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự so với các hướng dẫn trong Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT thì được áp dụng khi điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm, xét xử giám đốc thẩm hoặc tái thẩm.

2. Đối với các trường hợp mà người phạm tội đã bị kết án đúng theo Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT và bản án đã có hiệu lực pháp luật thì không áp dụng hướng dẫn của Thông tư liên tịch này để kháng nghị theo trình tự giám đốc thẩm, tái thẩm.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2015. Bãi bỏ các hướng dẫn tại điểm đ tiết 3.7 mục 3 Phần II; điểm b tiết 7.3 mục 7 Phần II; mục 8 Phần II của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện hướng dẫn tại Thông tư liên tịch này.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư liên tịch nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị liên quan phản ánh về Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp để có hướng dẫn kịp t

> Bài viết chuyên môn

MộT Số VƯớNG MắC TạI THÔNG TƯ Số 08/2015/TTLTT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP NGÀY 14/11/2015.

23/2/2016 08:42

Thông tư số 08/2015/TTLTT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015 có hiệu lực, trong quá trình triển khai phát sinh những vướng mắc. Bài viết dưới đây của Tiến sỹ: Phạm Minh Tuyên - Chánh án TAND tỉnh Bắc Ninh sẽ chỉ ra những vướng mắc đó.

Một số vướng mắc tại Thông tư số 08/2015/TTLTT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015

TS. Phạm Minh Tuyên
Chánh án TAND tỉnh Bắc Ninh

Thông tư số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII "Các tội phạm về ma túy" của BLHS năm 1999 (sau đây gọi tắt là Thông tư 17). Trong Thông tư 17 có một số vấn đề hướng dẫn hết sức quan trọng, đặc biệt là hướng dẫn tại tiết 1.4 Mục 1 Phần I đó là ***"Trong mọi trường hợp, khi thu giữ được các chất nghi là chất ma túy hoặc tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy thì đều phải trưng cầu giám định để xác định loại, hàm lượng, trọng lượng chất ma túy, tiền chất…"***. Song không hiểu do vô tình hay cố ý, mà một thời gian dài các Cơ quan tiến hành tố tụng từ địa phương đến Trung ương đều không thực hiện đúng hướng dẫn tại tiết 1.4 mục 1 Phần I của Thông tư 17. Chỉ đến khi Tòa án nhân dân tối cao có Công văn số 234 ngày 17/9/2014 (gọi tắt là Công văn 234), yêu cầu các Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự cần quán triệt và thực hiện đúng hướng dẫn tại tiết 1.4 Mục 1 Phần I như đã nêu, theo đó khi xét xử các vụ án về ma túy thì phải có kết quả trưng cầu giám định hàm lượng ma túy trong các chất thu giữ nghi là ma túy để lấy đó làm căn cứ kết tội và quyết định hình phạt với bị cáo nhằm đảm bảo tính khách quan, chính xác trong xét xử. Sau khi có Công văn 234, thì đã có nhiều ý kiến khác nhau về vấn đề này, đặc biệt là Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đồng tình với nội dung của Công văn 234, bắt bẻ về từ ngữ trong hướng dẫn tại Thông tư 17 cũng như nêu những khó khăn khi giám định hàm lượng và cho rằng việc bắt buộc giám định hàm lượng dẫn đến việc tồn đọng các vụ án về ma túy, gây khó khăn cho công tác điều tra, không đáp ứng được yêu cầu của cuộc đấu tranh phòng, chống các tội phạm về ma túy trong tình hình hiện nay.

Tuy có nhiều ý kiến khác nhau, song chúng tôi khẳng định rằng nội dung của Công văn 234 không phải là hướng dẫn mới gây cản trở hoạt động tố tụng như một số ý kiến phản hồi mà chỉ là việc quán triệt, yêu cầu các Tòa án thực hiện đúng hướng dẫn tại Thông tư 17 mà thôi. Chúng tôi nghĩ việc giám định hàm lượng các chất ma túy trong các vụ án về ma túy là hết sức cần thiết, bảo đảm

cho việc xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, tránh oan sai trong hoạt động tố tụng. Theo từ điển tiếng Việt thì hàm lượng là ***"lượng của một chất chứa trong một hỗn hợp hoặc trong một chất nào đó, tính bằng %".*** Như vậy, có thể hiểu hàm lượng chất ma túy là phần trăm chất ma túy có trong chất nghi là ma túy được giám định, cũng như tại Công văn số 20542 của Cục quản lý Dược ngày 25/11/2014 cũng đã có ý kiến là ***"… Việc bắt buộc giám định hàm lượng của các chất ma túy trong các chất thu giữ nghi là chất ma túy là thực sự cần thiết, khoa học, khách quan và đảm bảo tính chính xác. Quy định này nhằm đảm bảo việc xét xử không chỉ thực hiện các quy định của pháp luật mà còn phải đảm bảo sự khách quan, công bằng, bảo vệ quyền lợi cho các bị cáo, tránh xét xử oan sai. Việc giám định hàm lượng có thể khó khăn, có thể kéo dài thời gian giải quyết các vụ án nhưng việc xét xử sẽ đúng người đúng tội".***

Thực tế cho thấy, sau khi có Công văn 234 thì việc giám định hàm lượng cũng đã được thực hiện, kết quả cho thấy rất nhiều vụ án về ma túy qua giám định hàm lượng chất ma túy cho thấy đa phần các chất nghi là ma túy được thu giữ có hàm lượng ma túy là rất thấp có trường hợp chỉ hơn 10% là ma túy còn lại là tạp chất khác ví dụ như: Vụ án Nguyễn Văn Hoàn ở Bắc Ninh nếu truy tố theo trọng lượng ban đầu không giám định hàm lượng thì trọng lượng các chất ma túy quy đổi để truy cứu trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt đối với bị cáo là trên 800gam Hêroin, do vậy bị cáo đã bị tuyên phạt hình phạt tử hình. Sau khi Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội, hủy án yêu cầu giám định thì trọng lượng ma túy thực chất chỉ là 186 gam Hêroin còn lại là các tạp chất khác không phải là ma túy, nên chỉ tuyên bị cáo mức án tù chung thân. Thực tế ở Bắc Ninh, sau khi bắt buộc giám định hàm lượng ma túy của hàng chục vụ án tàng trữ trái phép chất ma túy thì quy đổi ra đều chưa đến 0,1gam Hêroin tức là chưa thỏa mãn về trọng lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự nên các vụ án này đã được đình chỉ.

Thực chất, qua nghiên cứu các hướng dẫn tại Thông tư 17 cũng thấy bộc lộ nhiều vấn đề vướng mắc cần phải có hướng dẫn cụ thể hơn để việc áp dụng pháp luật được thống nhất, đặc biệt đối với các vụ án ma túy mang tính truy xét không thu được vật chứng của vụ án. Chính vì vậy, các Cơ quan tố tụng Trung ương đã nghiên cứu và ban hành Thông tư số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/12/2015 (sau đây gọi tắt là Thông tư số 08), sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 17.

Qua nghiên cứu nội dung của Thông tư liên tịch số 08 chúng tôi thấy có những vướng mắc như sau:

Thứ nhất: Thông tư liên tịch số 08 sửa đổi, bổ sung tiết 1.4 mục 1 Phần I như sau:

"1.4. Trong mọi trường hợp, khi thu giữ được các chất nghi là chất ma túy hoặc tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy thì đều phải trưng cầu giám định để xác định loại và trọng lượng chất ma túy, tiền chất thu giữ được. Bắt buộc phải trưng cầu giám định hàm lượng để xác định trọng lượng chất ma túy trong các trường hợp sau:

a. Chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất chất ma túy ở thể rắn được hòa thành dung dịch;

b. Chất ma túy, tiến chất dùng vào việc sản xuất chất ma túy ở thể lỏng đã được pha loãng;

c. Xái thuốc phiện;

d. Thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần;

Ngoài các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d tiết 1.4 Mục này, nếu có căn cứ và xét thấy cần thiết, Tòa án trực tiếp trưng cầu giám định để bảo đảm việc xét xử đúng pháp luật…"

Theo chúng tôi, việc hướng dẫn như trên thực chất chỉ tạo điều kiện cho Cơ quan điều tra và truy tố còn lại là gây khó khăn cho Tòa án khi xét xử và bộc lộ những vướng mắc như sau:

1. Trong các trường hợp bắt buộc phải giám định hàm lượng như đã nêu thì thực tế rất ít vụ án về ma túy khi chất ma túy bị thu giữ ở thể rắn mà lại được pha loãng ví dụ như Hêroin các đối tượng tàng trữ khi bị bắt thì các đối tượng này đã pha loãng để chích vào cơ thể, nếu khi giám định ra hàm lượng ma túy là bao nhiêu phần trăm thì tính quy đổi thành Hêroin nguyên chất sẽ quy đổi như thế nào? Hiện cũng chưa có hướng dẫn, trong khi mà Cơ quan điều tra thông thường chỉ giám định hàm lượng còn lại không quy đổi, chẳng lẽ chúng ta xét xử cả nước lã hoặc nước cất? Tương tự như vậy đối với ma túy ở thể lỏng được các đối tượng pha loãng thì quy đổi ra làm sao? Chưa nói đến hiện nay, xái thuốc phiện hầu như các đối tượng phạm tội về ma túy không bao giờ mua bán, cùng lắm chỉ là những đối tượng nghiện hút không có tiền buộc phải tàng trữ để sử dụng. Như vậy, việc quy định các trường hợp phải bắt buộc giám định như hướng dẫn tại Thông tư 08 thì hầu như Cơ quan điều tra rất ít khi phải giám định hàm lượng.

Một vấn đề đặt ra nữa là: Tại sao chỉ "***Chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất chất ma túy ở thể rắn được hòa thành dung dịch; Chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất chất ma túy ở thể lỏng đã được pha loãng; Xái***

thuốc phiện" Thì phải giám định còn các chất ma túy khác có pha các chất khác lại không bắt buộc phải giám định như vậy có bảo đảm công bằng không?

2. Thông tư 08 hướng dẫn ***"…Nếu có căn cứ và xét thấy cần thiết, Tòa án trực tiếp trưng cầu giám định để bảo đảm cho việc xét xử đúng pháp luật…".*** Hướng dẫn như vậy, theo chúng tôi sẽ dẫn đến việc nhận thức và áp dụng pháp luật không thống nhất, dẫn đến việc Tòa án cấp trên có thể hủy án của Tòa án cấp dưới bất cứ lúc nào bởi lẽ: Về nguyên tắc xét xử thì đương nhiên phải bảo đảm nguyên tắc xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật vậy hiểu thế nào là ***"có căn cứ và xét thấy cần thiết…"***? Hướng dẫn như vậy liệu có phải là hướng dẫn mang tính tùy nghi, có thể cấp sơ thẩm bảo không cần thiết, xong cấp phúc thẩm hoặc giám đốc thẩm lại bảo là cần thiết thì sẽ hủy bản án. Chúng tôi nghĩ, đối với các vụ án về ma túy thì khi thu giữ được các chất nghi là ma túy thì lúc nào cũng cần thiết phải giám định hàm lượng chất ma túy và chỉ có vậy thì mới xét xử đúng pháp luật. Chúng ta không thể tuyên một bản án tử hình đối với một người khi họ mua bán ma túy mà lại chỉ có ba trăm gam là ma túy còn lại bảy trăm gam là bột sắn hoặc bột mỳ được! Nhất là hiện nay, rất nhiều trường hợp tàng trữ trái phép chất ma túy là Hêroin sau khi giám định hàm lượng thì lại không đủ trọng lượng trên 0,1g nếu căn cứ vào hướng dẫn tại tiết 3.6 của Thông tư 17 thì họ chỉ bị xử phạt hành chính, nhưng nay lại thuộc trường hợp không bắt buộc Cơ quan Điều tra, Truy tố phải giám định, nếu Tòa án cũng coi là không cần thiết và không đi giám định thì sẽ dẫn đến tình trạng oan sai trong tố tụng hình sự. Nhất là hiện nay, Việt Nam đã tham gia các Công ước quốc tế về quyền con người. Bởi vậy, trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử luôn phải bảo đảm sự công bằng, khách quan và quyền con người muốn vậy thì đối với các vụ án về ma túy việc giám định hàm lượng các chất ma túy là hết sức cần thiết.

Trường hợp Tòa án trực tiếp trưng cầu giám định hàm lượng, thì Cơ quan nào thực hiện việc đi giám định? Nếu Tòa án trưng cầu giám định hàm lượng mà lại phải trực tiếp liên hệ với Cơ quan giám định thì thủ tục xuất vật chứng từ Cơ quan thi hành án sẽ thực hiện như thế nào? Kinh phí giám định lấy ở đâu? Cơ quan giám định có gây khó khăn không? Có bảo đảm thời hạn xét xử hay không? Có vi phạm tố tụng không? Trong khi kết luận giám định là một trong những nguồn của chứng cứ mà Tòa án là cơ quan xét xử lại đi thu thập chứng cứ mà lại là chứng cứ buộc tội! Đây chính là những khó khăn mà Thông tư số 08 hướng dẫn đã dành cho Tòa án. Đề nghị Tòa án nhân dân tối cao cần có hướng dẫn cụ thể.

Thứ hai: Trong Thông tư số 08 có hướng dẫn ***"…Trường hợp không thu giữ được vật chứng là chất ma túy, tiền chất nhưng có căn cứ xác định được***

trọng lượng chất ma túy, tiền chất mà người phạm tội đã mua bán, vận cuyển, tàng trữ hoặc chiếm đoạt thì người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội danh và điều khoản tương ứng."

Hướng dẫn trên, theo chúng tôi nhằm khắc phục những vụ án về ma túy mang tính truy xét mà không thu giữ được vật chứng của vụ án là ma túy, nhưng hướng dẫn như vậy cũng chưa mang tính thuyết phục vì căn cứ nào để xác định được trọng lượng chất ma túy, tiền chất mà người phạm tội đã mua bán, vận chuyển, tàng trữ hoặc chiếm đoạt? Chắc chắn chỉ dựa vào lời khai của họ hoặc lời khai của các đồng phạm. Nhưng tính trọng lượng như thế nào khi mà tất cả các vụ án về ma túy mang tính truy xét, đa phần lời khai chỉ là bao nhiêu bánh Hêroin, căn cứ vào đâu để tính trọng lượng một bánh Hêroin là bao nhiêu gam, vì không có Cơ quan đo lường chất lượng nào quy định về vấn đề này, thực tế xét xử cũng cho thấy trọng lượng các bánh Hêroin thu giữ trong các vụ án về ma túy đã xét xử là không giống nhau có bánh là 350 gam, có bánh lại 300 gam hoặc ít hơn 300 gam… Nếu vậy việc xác định trọng lượng ma túy có chính xác không?

Thứ ba: Thông tư 08 cũng bãi bỏ các hướng dẫn tại điểm đ tiết 3.7 Mục 3 Phần II là ***"Người nào tàng trữ trái phép, vận chuyển trái phép một trong các chất ma túy có số lượng được hướng dẫn từ điểm a đến g tiểu mục 3.6 Mục 3 Phần II Thông tư này mà không nhằm mục đích mua bán hay sản xuất trái phép chất ma túy khác, nhưng chứng minh được là nhằm mục đích sử dụng trái phép chất ma túy, tuy đã được giáo dục nhiều lần và đã bị xử lý hành chính bằng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc thì phải chịu trách nhiệm hình sự về tội sử dụng trái phép chất ma túy theo Điều 199 Bộ luật hình sự."***. Bãi bỏ hướng dẫn tại điểm b tiết 7.3 Mục 7 Phần II là ***"Người nghiện ma túy cho người nghiện ma túy khác cùng sử dụng trái phép chất ma túy tại địa điểm thuộc quyền sở hữu, chiếm hữu hoặc quản lý của mình thì không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy…"*** và Mục 8 Phần 2 là ***"Tội sử dụng trái phép chất ma túy".***

Việc bãi bỏ những phần trên theo chúng tôi là hợp lý vì những phần trên liên quan đến tội ***"sử dụng trái phép chất ma túy"*** đã được phi tội phạm hóa từ năm 2009. Tuy nhiên, theo chúng tôi hướng dẫn tại điểm a tiết 6.2 Mục 6 Phần II là "Người nghiện ma túy có chất ma túy (không phân biệt nguồn gốc ma túy do đâu mà có) cho người nghiện ma túy khác chất ma túy để cùng sử dụng trái phép thì không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, mà tùy từng trường hợp có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội tàng trữ trái phép chất ma túy hoặc tội sử dụng trái phép chất ma túy" cũng cần

phải được bãi bỏ. Bởi lẽ, năm 2009, chúng ta đã sửa đổi Bộ luật hình sự theo hướng không coi hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là tội phạm cũng đã thể hiện sự nhân đạo đối với những người nghiện hút ma túy, mặc dù chúng ta đều biết người nghiện ma túy cũng là nguyên nhân phát sinh những tội phạm khác gây mất trật tự trị an. Xong như hướng dẫn tại Thông tư 17 thì vô hình dung những người nghiện ma túy ở một góc độ nào đó lại được "miễn trừ" về pháp luật điều đó là không công bằng. Trong khi hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, đã được quy định trong BLHS là tội phạm thì tất cả những hành vi liên quan đến việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy đều phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Do vậy, những người nghiện hút ma túy tụ tập nhau lại để sử dụng ma túy cũng không thể được miễn trừ như hướng dẫn tại Thông tư 17 được mà cần phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Có như vậy, mới bảo đảm nguyên tắc công bằng trong Luật hình sự cũng như giữ gìn trật tự trị an, hạn chế các tội phạm xã hội khác phát sinh từ chính những người nghiện, thực tế hiện nay tình trạng sử dụng ma túy tổng hợp gây ảo giác đang phổ biến và lan truyền rất nhanh, rất nhiều vụ án đặc biệt nghiêm trọng cũng xuất phát từ nguyên nhân sau khi sử dụng ma túy tổng hợp người nghiện xuất hiện ảo giác đã không làm chủ được bản thân dẫn đến phạm tội. Chúng ta thử hình dung một nhóm người nghiện tụ tập nhau cùng sử dụng ma túy rồi cùng nhau phạm tội thì hậu quả chúng gây ra cho xã hội sẽ nghiêm trọng đến đâu.

Trên đây là một số vướng mắc chúng tôi nêu ra xuất phát từ chính những hướng dẫn tại thông tư 08 rất mong có sự hướng dẫn kịp thời của Tòa án nhân dân tối cao.

hời.

hực hiện Công điện số 04/ĐK ngày 23/10/2014 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an về việc thực hiện công tác giám định hàm lượng chất ma túy; Công văn số 234/TANDTC-HS ngày 17/9/2014 của Tòa án nhân dân tối cao về việc triển khai thực hiện Thông tư 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 của Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII "Các tội phạm về ma túy" của Bộ luật hình sự năm 1999, trong đó bắt buộc phải giám định hàm lượng của các chất ma túy trong các chất thu giữ nghi là chất ma túy, để lấy đó làm căn cứ kết tội các bị cáo theo quy định tại Chương XVIII Bộ luật hình sự năm 1999.

Do hiện nay chỉ có duy nhất Trung tâm Giám định Ma túy thuộc Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an đủ điều kiện tiến hành giám định hàm lượng chất ma túy. Để giảm áp lực cho Viện Khoa học hình sự, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giám định hàm lượng chất ma túy phục vụ kịp thời công tác điều tra, truy tố và xét xử tội phạm trên địa bàn tỉnh

1. Việc giám định chất ma túy chia làm 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Giám định xác định loại ma túy (định tính), trọng lượng chất ma túy do Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh thực hiện.

- Giai đoạn 2: Sau khi xác định được loại, trọng lượng chất ma túy, Cơ quan CSĐT phối hợp với Phòng Kỹ thuật hình sự trích mẫu (lấy mẫu đại diện, ngẫu nhiên) và tiến hành niêm phong theo đúng quy định. Cơ quan CSĐT ra Quyết định trưng cầu Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an giám định xác định hàm lượng chất ma túy.

2. Cơ quan CSĐT phân loại các vụ án ma túy, trước mắt ưu tiên trưng cầu giám định hàm lượng chất ma túy thu giữ trong các vụ án đang chuẩn bị truy tố, xét xử, các vụ án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng.

3. Trao đổi thống nhất với Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân ở địa phương thống nhất khi giao nhận mẫu giám định hàm lượng chất ma túy tại Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an không cần có mặt bị can.

4. Hồ sơ và đối tượng trưng cầu giám định gồm:

- Quyết định trưng cầu giám định;
- Mẫu trích gửi giám định (niêm phong có chữ ký và dấu giáp lai);
- Biên bản trích mẫu giám định;
- Kết luận giám định định tính, trọng lượng chất ma túy của Phòng Kỹ thuật hình sự (bản photocopy).

Việc vận chuyển mẫu vật giám định hàm lượng chất ma túy do Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kon Tum thực hiện.

Đề nghị các đơn vị liên quan phối hợp thực hiện.